2026

学校	
名前	

神奈川県
教育委員会

２０２６年度入学希望者用

Dành cho học sinh muốn nhập học niên khóa 2026

神奈川県に住む日本語を母語としない方へのご案内

Hướng dẫn dành cho các bạn sống trong tỉnh KANAGAWA mà không dùng tiếng Nhật là tiếng mẹ đẻ.

神奈川県の「公立高校入学のためのガイドブック」

日本語＋ベトナム語翻訳版 ⇔ Tiếng Nhật＋Tiếng Việt

「 TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN NHẬP HỌC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP - CẤP 3 」Tỉnh KANAGAWA

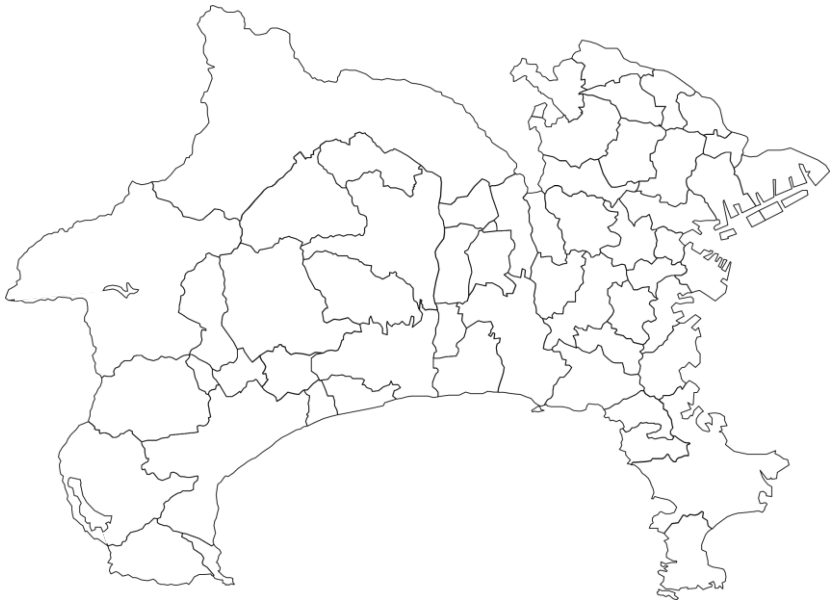

神奈川県の公立高校入学者選抜の多言語情報 https://hsguide.me-net.or.jp ☞

Thông tin về tuyển sinh nhập học vào các trường trung học phổ thông cấp 3 bằng các ngôn ngữ khác.

高校進学ガイダンスの申込み https://hsguide.me-net.or.jp/reservations ☞

Đăng ký buổi hướng dẫn về việc thi lên trường cấp 3.

作成：神奈川県教育委員会・認定ＮＰＯ法人多文化共生教育ネットワークかながわ（ME-net）

Biên soạn: Sở Giáo Dục Tỉnh Kanagawa và Mạng Lưới Giáo Dục Cộng Sinh Đa Văn Hóa Tỉnh Kanagawa của tập đoàn NPO(ME-net)

目　次

1　高校受検の流れ …… 1

2　志願資格（高校受検できる人） …… 2

（１）一般募集の志願資格

（２）特別募集の志願資格

3　公立高校の入学者選抜の概要 …… 3

4　出願について …… 4

（１）出願手続と検査日程

（２）出願の流れ

（３）面接シートについて

5　外国において学校教育における９年の課程を修了した人の手続 …… 7

6　在県外国人等特別募集と海外帰国生徒特別募集の実施校 …… 8

7　入学者選抜の検査について …… 10

（１）一般募集の検査内容

（２）特別募集の検査内容

（３）選考方法（合格者の決め方）

8　定通分割選抜について【夜間の定時制と通信制で実施】 …… 12

（１）出願手続と検査日程

（２）検査内容

（３）選考方法（合格者の決め方）

9　一般募集（「共通選抜」および「定通分割選抜」）での特別な受検方法について …… 13

10　公立高校の受検料・入学料の減免制度について …… 14

11　学費について …… 14

12　高等学校等就学支援金について …… 15

13　私立高等学校等の学費支援制度等について …… 16

このガイドブックについての問合せ先

神奈川県教育委員会　高校教育課入学者選抜・定員グループ

【TEL】(045)210-8084

【HP】 https://www.pref.kanagawa.jp/docs/dc4/nyusen/nyusen/kanagawa.html

NPO法人多文化共生教育ネットワークかながわ（ME-net）事務局

【TEL】(045)896-0015（月･水･金　10:00～17:00）

【E-mail】 info@me-net.or.jp

【HP】 https://me-net.or.jp/

このガイドブックの翻訳版は、上の２つのホームページからダウンロードできます。

MỤC LỤC

Trang

1 **Quá trình dự thi trường koko** ····· 1

2 **Tư cách của ứng viên (những người có thể dự thi koko)** ····· 2
(1) Điều kiện dự thi Tuyển Sinh Thông Thường
(2) Điều kiện dự thi Tuyển Sinh Đặc Biệt

3 **Tổng quan về tuyển chọn học sinh trường cấp 3 công lập** ····· 3

4 **Về việc nộp đơn đăng ký dự thi** ····· 4
(1) Thủ tục nộp đơn và lịch trinh dự thi các bài kiểm tra
(2) Quá trình nộp đơn đăng ký dự thi
(3) Bản văn dự thi vấn đáp (面接(めんせつ)シート)

5 **Thủ tục dành cho thí sinh đã hoàn tất chương trình giáo dục 9 năm ở hải ngoại** ····· 7

6 **Các trường có quy chế tuyển sinh đặc biệt dành cho thí sinh người ngoại quốc sống trong tỉnh và con em gia đình hồi hương** ····· 8

7 **Về kỳ thi tuyển sinh** ····· 10
(1) Nội dung thi trong việc tuyển sinh thông thường
(2) Nội dung thi trong việc tuyển sinh đặc biệt
(3) Phương pháp lựa chọn (cách quyết định ứng viên thi đỗ)

8 **Thi tuyển phân bố cho các trường Koko vừa học vừa làm - Koko hàm thụ (定通分割選抜(ていつうぶんかつせんばつ))**
【thực hiện tại các trường定時制(ていじせい)ban đêm và trường 通信制(つうしんせい) Hàm Thụ】 ····· 12
(1) Thủ tục nộp đơn đăng ký dự thi và lịch trình ngày thi
(2) Nội dung thi
(3) Phương pháp duyệt xét tuyển sinh (Quyết định người trúng tuyển)

9 **Về phương pháp xét tuyển đặc cách trong xét tuyển sinh thường ("xét tuyển chung" và "xét tuyển chia")** ····· 13

１０ **Quy chế miễn giảm lệ phí dự thi và lệ phí nhập học ở Koko công lập** ····· 14

１１ **Học phí** ····· 14

１２ **Quỹ Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đường - Koko** ····· 15

１３ **Quy chế trợ cấp học phí v.v.. dành cho học sinh trường Koko tư thục v.v..** ····· 16

Nơi giải đáp những thắc mắc về Tập Hướng Dẫn này:

神奈川県教育委員会(かながわけんきょういくいいんかい) 高校教育課入学者選抜(こうこうきょういくかにゅうがくしゃせんばつ)・定員(ていいん)グループ
【TEL】045-210-8084
【URL】https://www.pref.kanagawa.jp/docs/dc4/nyusen/nyusen/kanagawa.html

ＮＰＯ法人多文化共生教育(ほうじんたぶんかきょうせいきょういく)ネットワークかながわ（ＭＥ－ｎｅｔ）事務局(じむきょく)
【TEL】045-896-0015 (thứ Hai,thứ Tư,thứ Sáu 10:00～17:00)
【E-mail】info@me-net.or.jp
【URL】https://me-net.or.jp /

Bạn có thể tải bản dịch của tài liệu hướng dẫn từ 2 trang web trên.

1　高校受検の流れ

各高校が実施する学校説明会等や「日本語を母語としない人たちのための高校進学ガイダンス」に積極的に参加しましょう！

日本の中学校を卒業または卒業予定の人

外国において学校教育における９年の課程を修了した人

2025年 ９月～10月

「**日本語を母語としない人たちのための高校進学ガイダンス**」
高校に進学したいが、受検方法などがわからない人は、必ず参加してください。在県外国人等特別募集を実施する高校の説明が受けられます。神奈川県教育委員会に相談もできます。（☞裏表紙）
※　神奈川県の公立高校入学者選抜の多言語情報をME-net（ミーネット）のホームページで提供します。https://hsguide.me-net.or.jp

2025年10月下旬

公立高校の募集定員が県教育委員会のホームページや新聞等で発表されます。

2025年 11月～

中学校で面談等が行われ、高校受検の確認をします。
一般募集での「**特別な受検方法**」は、中学校を通して申請します。（☞ **P.13**）

11月29日（土）の「県教育委員会の説明会（志願資格の確認・承認申請手続）」に出席してください。（☞ **P.7**）
一般募集での「**特別な受検方法**」の説明も行います。（☞ **P.13**）

2026年１月～ 共通選抜（二次募集を除く。および特別募集（※１）日程等 ☞ P.3

- 在県外国人等特別募集等を受検する場合は、事前に、特別募集における志願資格確認を志願する高校で行います。
- **インターネット出願システムから志願する高校（１校）へ出願します。**
- 志願変更を１回だけすることができます。
- 学力検査、特色検査、面接等を受けます。
- 合格者の発表があります。

共通選抜、特別募集および私立高校等に合格した人は、定通分割選抜と二次募集（※２）には志願できません。

2026年３月～ 定通分割選抜日程等 ☞ P.3

- **志願する高校（１校）に紙による入学願書を提出します。**
- 志願変更を１回だけすることができます。
- 学力検査、面接等の検査を受けます。
- 合格者の発表があります。

（※１）　特別募集：「在県外国人等特別募集」（20校で募集）、「海外帰国生徒特別募集」（８校で募集）　志願資格 ☞ **P.2**

（※２）　二次募集は、全日制、定時制（夜間以外）の高校で、共通選抜で定員に満たなかった高校で必要に応じて３月上旬に実施します。定通分割選抜とは別の日程で行い、両方志願できます。

1 Quá trình dự thi trường koko

Hãy tích cực tham gia các buổi thuyết trình thông tin nhà trường do các trường koko tổ chức và "Buổi hướng dẫn tuyển sinh koko cho những người tiếng Nhật không phải là tiếng mẹ đẻ".

Học sinh đã tốt nghiệp hoặc sẽ tốt nghiệp một trường Trung học cơ sở ở Nhật Bản.

Học sinh đã hoàn tất chương trình giáo dục 9 năm ở hải ngoại.

Tháng 9 ～ tháng 10 năm 2025

Buổi「**Hướng dẫn thi vào Koko dành cho các bạn không dùng tiếng Nhật như là tiếng mẹ đẻ**」
Nếu bạn muốn học lên cấp 3 nhưng không biết cách dự thi v.v, thì nhất định phải tham gia. Bạn có thể nhận được sự hướng dẫn về các trường cấp 3 thực hiện tuyển dụng đặc biệt dành cho người nước ngoài sống trong tỉnh. Ngoài ra bạn cũng có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng giáo dục tỉnh Kanagawa. (☞ mặt sau)

※ Thông tin được đăng trên trang mạng dưới đây của Mạng Thông Tin Đa Ngôn Ngữ (ME-net) được các học giả tuyển chọn dành cho việc thi vào trường Koko công lập tỉnh KANAGAWA. https://hsguide.me-net.or.jp

Hạ tuần tháng 10 năm 2025

Sĩ số (số lượng) tuyển sinh của các trường Koko công lập sẽ công báo trên trang nhà của Sở Giáo Dục Kanagawa và trên các báo.

Từ tháng 11 năm 2025～

Sẽ có cuộc bàn thảo cá biệt ở trường 中学(ちゅうがく), để xác nhận việc thi tuyển lên Koko. Việc làm đơn「**Dự thi theo Phương Cách Đặc Biệt**」trong tuyển sinh thông thường, sẽ thông qua trường đang học (☞Xem trang 13)

Hãy tham gia「**Buổi Hướng dẫn của Ban Giáo Dục tỉnh (Thủ tục kiểm tra tư cách và chấp thuận nộp đơn)**」vào ngày 29 tháng 11 (thứ Bảy).(☞ Xem trang 7)
Tại đây cũng sẽ có giải thích việc「**Dự thi theo phương cách đặc biệt**」trong tuyển sinh thông thường（☞ Xem trang 13）

Từ tháng 1 năm 2026～ Tuyển sinh thường (không tính tuyển sinh phụ) và tuyển sinh đặc cách（※1）

Lịch trình☞Trang 3

- Nếu bạn muốn tham gia kỳ thi tuyển dụng đặc biệt dành cho người nước ngoài sống trong tỉnh v.v, bạn sẽ cần kiểm tra trước khả năng đủ điều kiện tham gia kỳ thi tuyển dụng đặc biệt tại trường koko mà bạn nộp đơn.
- **Nộp đơn vào trường koko (1 trường) mà bạn muốn dự thi thông qua hệ thống nộp đơn internet.**
- Bạn chỉ có thể thay đổi trường koko mà bạn muốn dự thi một lần.
- Kiểm tra năng lực học tập, kiểm tra đặc điểm, phỏng vấn, v.v.
- Những thí sinh đỗ sẽ được công bố.

Các bạn đã trúng tuyển, trong đợt thi tuyển chung, chiêu sinh đặc biệt và trường Koko tư thục v..v..., thì không được nộp đơn thi Thi tuyển phân bổ cho các trường Không Toàn Thời - Hàm Thụ và kỳ Chiêu Sinh Đợt 2（※2).

Từ tháng 3 năm 2026 ～ Thi tuyển phân bổ (Trường Không Toàn Thời - Hàm Thụ)

Lịch trình☞Trang 3

- Gửi đơn đăng ký nhập học cho trường koko (1 trường) mà bạn muốn dự thi.
- Bạn chỉ có thể thay đổi trường koko mà bạn muốn dự thi một lần.
- Kiểm tra năng lực học tập, kiểm tra đặc điểm, phỏng vấn, v.v.
- Những thí sinh đỗ sẽ được công bố.

（※1）Chiêu Sinh Đặc Biệt gồm có, một là「Chiêu Sinh Đặc Biệt dành cho Ngoại Kiều sống trong Tỉnh」(20 trường sẽ nhận) và hai là「Chiêu Sinh Đặc Biệt dành cho Học Sinh Hồi Hương」(8 trường sẽ nhận); về Tư Cách Nộp Đơn, xin xem ☞ **trang 2**.

（※2）Chiêu Sinh Đợt 2 là việc chiêu sinh thêm khi số học sinh trúng tuyển không đủ túc số qua cuộc Thi Tuyển Chung tại các trường Koko Toàn Thời, trường Koko Không Toàn Thời (trừ trường học ban đêm), việc này được thực hiện vào thượng tuần tháng 3. Việc thi tuyển cho đợt tuyển sinh này sẽ có lịch trrình thi khác với ngày Thi Tuyển Phân Bổ, do đó có thể nộp đơn cho cả hai đợt thi này.

２　志願資格（高校受検できる人）

（１）一般募集の志願資格

志願する高校	志願資格
全日制	次のＡＢＣすべてにあてはまる人 Ａ　2011年４月１日以前に生まれた人 Ｂ　中学校または外国において学校教育における９年の課程を卒業（修了）した人または2026年３月31日までに卒業（修了）する予定の人 Ｃ　本人と保護者が神奈川県に住んでいる人または2026年４月１日までに神奈川県に転居する予定の人
定時制・通信制	ＡＢに加えて、Ｄにあてはまる人 Ｄ　神奈川県に住んでいる人または 2026年４月１日までに神奈川県に転居する予定の人（勤務先が神奈川県でもよい。）

（２）特別募集の志願資格

在県外国人等特別募集 （募集する高校は 全日制16校、定時制４校 ☞ P.8）	ＡＢＣ（定時制はＡＢＤ）に加えて、ＥとＦにあてはまる人 Ｅ　入国後の在留期間が 2026年２月１日現在で通算６年以内の人（小学校入学前の在留期間を除く。） Ｆ　外国籍を持っている人または日本国籍を取得して６年以内の人（2026年２月１日現在）
海外帰国生徒特別募集 （募集する高校は全日制８校 ☞ P.9）	ＡＢＣに加えて、Ｇにあてはまる人 Ｇ　保護者の勤務等の関係で、継続して２年以上外国に在住して、帰国した日が 2023年４月１日以降の人

2 Tư cách của ứng viên (những người có thể dự thi koko)

（1） Điều kiện dự thi Tuyển Sinh Thông Thường

Koko muốn dự thi	Điều kiện dự thi
Tuyển Sinh Thông Thường **Chương trình** 全日制(ぜんにちせい) (hệ chính quy)	Những người hội đủ tất cả các điều kiện A, B và C dưới đây: **A** Những người sinh ra trước ngày 1 tháng 4 năm 2011 **B** Người đã tốt nghiệp bậc 中学校(ちゅうがっこう) (trường Nhật) hoặc đã hoàn tất chương trình giáo dục học đường 9 năm ở hải ngoại (đã học xong chương trình), hoặc dự định đến ngày 31 tháng 3 năm 2026 sẽ tốt nghiệp (sẽ hoàn tất chương trình). **C** Thí sinh và phụ huynh hiện đang sinh sống trong tỉnh KANAGAWA, hoặc có dự định đến ngày 1 tháng 4 năm 2026 sẽ chuyển đến ở trong tỉnh KANAGAWA.
Tuyển Sinh Thông Thường **Chương trình** 定時制(ていじせい)・通信制(つうしんせい) (học theo ca/ học qua mạng)	Hội đủ các điều kiện A và B ở trên, kèm thêm điều kiện D dưới đây: **D** Người đang sinh sống trong tỉnh KANAGAWA,hoặc có dự định đến ngày 1 tháng 4 năm 2026 sẽ dọn tới ở trong tỉnh KANAGAWA （Chỉ làm việc trong tỉnh KANAGAWA cũng có tư cách）

（2） Điều kiện dự thi Tuyển Sinh Đặc Biệt

Tuyển Sinh Đặc Biệt dành cho học sinh ngoại kiều trong tỉnh （Có 16 trường Koko 全日制(ぜんにちせい) và 4 trường Koko 定時制(ていじせい) tuyển sinh theo quy chế này ☞ Xem trang 8）	Hội đủ các điều kiện A, B và C（thí sinh chương trình 定時制(ていじせい) sẽ gồm A, B và D) ở trên, kèm thêm điều kiện E và F dưới đây: **E** Tính đến ngày 1 tháng 2 năm 2026, thời gian lưu trú tích lũy tại Nhật từ 6 năm trở xuống. (không tính thời gian lưu trú trước khi vào tiểu học) **F** Người mang quốc tịch nước ngoài hoặc đã lấy được quốc tịch Nhật từ 6 năm trở xuống (tính đến ngày 1 tháng 2 năm 2026).
Tuyển Sinh Đặc Biệt dành cho học sinh hồi hương （Có 8 trường Koko 全日制(ぜんにちせい) tuyển sinh theo quy chế này ☞ Xem trang 9）	Hội đủ các điều kiện A, B và C ở trên, kèm thêm điều kiện G dưới đây: **G** Do hoàn cảnh làm việc của phụ huynh, mà bạn học sinh này đã sinh sống ở hải ngoại liên tục trên 2 năm, và thời điểm hồi hương là từ ngày 1 tháng 4 năm 2023 trở đi.

３　公立高校の入学者選抜の概要

2026年度　神奈川県公立高校入学者選抜日程

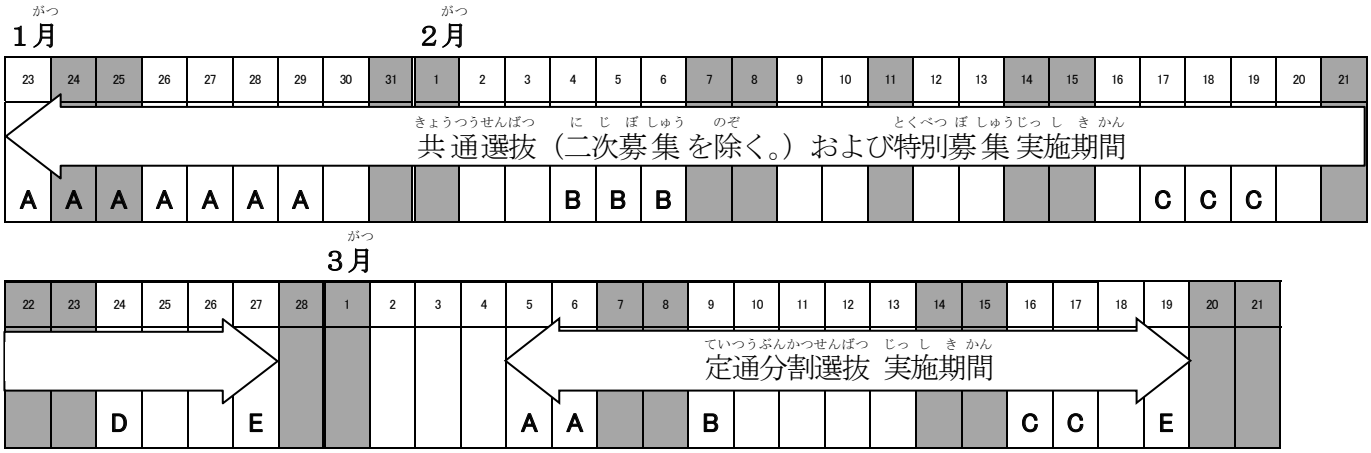

☆特別募集における志願資格確認期間：2026年１月６日（火）～１月15日（木）

A：募集期間（志願者が申請できる期間）　**B**：志願変更期間（志願者が申請できる期間）
C：検査日　**D**：追検査　**E**：合格発表

選抜の機会 ＼ 課程		全日制、定時制Ⅰ（※）	定時制Ⅱ（※）	通信制
共通選抜（二次募集を除く。）および特別募集	募集	募集人員は募集定員の100%です。	募集人員は募集定員の80%です。	
	志願	インターネット出願システムからひとつの課程・学科・コース（部）に志願します。 志願変更を１回だけすることができます。☞ **P.4**		
	検査	学力検査 特色検査、面接、作文を行う高校もあります。☞ **P.10**		作文
	選考	一般募集　☞ **P.11** の選考方法を見てください。 特別募集　☞ 調査書を用いない選考をします。		調査書と実施した検査の結果をもとに総合的に選考します。
定通分割選抜	募集	実施しません。	募集人員は、募集定員の20%です。 ただし、共通選抜で募集人員に満たなかった高校では、満たなかった人数を募集人員に加えます。	
	志願		紙による入学願書でひとつの課程・学科に志願します。 志願には入学願書と面接シート等を提出します。☞ **P.12** 志願変更が１回だけできます。☞ **P.12**	
	検査		学力検査 ☞ **P.12** 特色検査（面接等）を行う高校もあります。	作文☞ **P.12**
	選考		☞ **P.12** の選考方法を見てください。	調査書と実施した検査の結果をもとに総合的に選考します。

（※）定時制Ⅰ・・・夜間以外の定時制高校（県立横浜明朋高校、県立川崎高校、県立厚木清南高校、県立相模向陽館高校、横浜市立横浜総合高校、川崎市立川崎高校）

定時制Ⅱ・・・定時制Ⅰを除く夜間の定時制高校

3 Tổng quan về tuyển chọn học sinh trường cấp 3 công lập

LỊCH TRÌNH TUYỂN SINH NIÊN KHÓA 2026 CỦA CÁC TRƯỜNG KOKO CÔNG LẬP Ở KANAGAWA

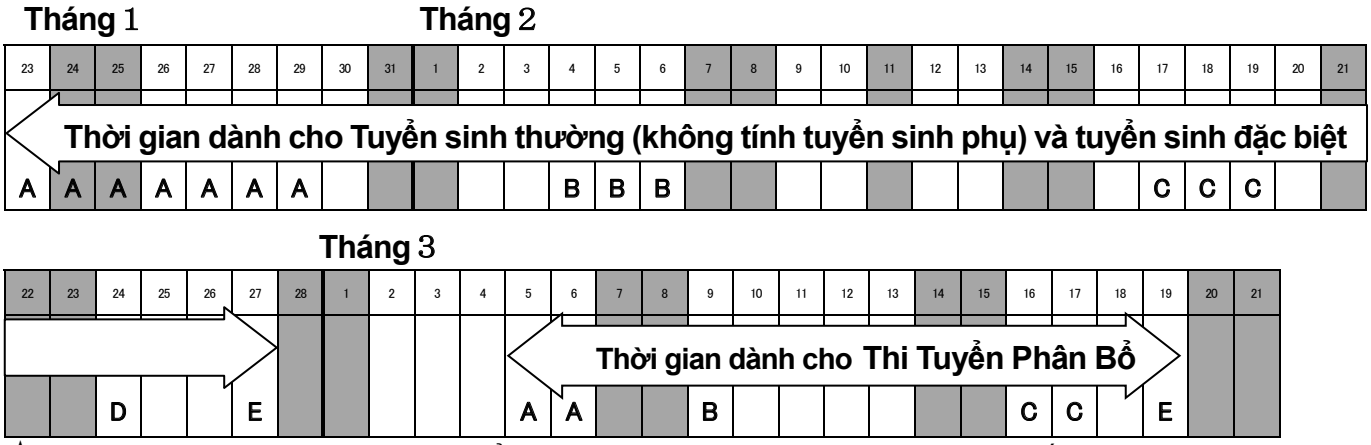

☆Thời gian xác nhận tư cách ứng viên trong tuyển dụng đặc biệt: từ thứ Ba ngày 6 tháng 1 năm 2026 đến thứ thứ Năm 15 tháng 1 năm 2026

A: Kỳ hạn tuyển sinh (kỳ hạn nộp đơn dành cho người có nguyện vọng dự thi)
B: Kỳ hạn đổi nguyện vọng (Kỳ hạn nộp đơn dành cho người có nguyện vọng dự thi)
C: Ngày thi (Kiểm tra học lực- Vấn đáp) **D** : Kiểm tra thêm E: Công bố trúng tuyển

Kỳ Thi \ Chương Trình		全日制、定時制Ⅰ (※)	定時制Ⅱ (※)	通信制
Tuyển sinh thường (không tính tuyển sinh phụ) và tuyển sinh đặc cách	Số tuyển sinh	100% số chỉ tiêu tuyển sinh	80% số chỉ tiêu tuyển sinh	
	Đăng ký	Đăng ký cho một chương trình/khoa/khóa học (ban) thông qua hệ thống ứng dụng Internet. Bạn có thể thay đổi nguyện vọng, và chỉ được 1 lần thôi. ☞ xem trang 4		
	Kiểm tra	Kiểm tra học lực Có một số trường koko tổ chức các bài kiểm tra đặc trưng, phỏng vấn và viết luận. ☞ xem trang 10		bài văn
	Xét Duyệt	Tuyển sinh thông thường: ☞ Xem trang 11 về phương cách xét duyệt thí sinh, Tuyển sinh đặc biệt ☞ Xét duyệt không dựa trên học bạ		Nhà trường sẽ xét duyệt một cách tổng hợp dựa trên thành tích học bạ và kết quả bài thi
Thi Tuyển Phân Bổ	Số tuyển sinh	Các trường này không có chương trình tuyển sinh theo dạng thi tuyển phân bổ (số nhận thêm)	20% số chỉ tiêu tuyển sinh Tuy nhiên, trong trường hợp có trường không đạt chỉ tiêu (số học sinh phải nhận) trong kỳ thi chung, thì trường này sẽ tuyển thêm cho đủ sĩ số.	
	Đăng ký		Đăng ký dự thi vào 1 chương trình học hoặc một khoa bằng đơn xin nhập học dạng giấy. Nộp đơn xin nhập học và đơn vấn đáp v..v... để đăng ký dự thi (☞ xem trang 12) Bạn có thể thay đổi nguyện vọng trường muốn thi vào, và chỉ được 1 lần thôi. (☞xem trang 12)	
	Kiểm tra		Thi kiểm tra học lực ☞ xem trang 12 Có trường áp dụng việc 「Kiểm tra tính đặc sắc」 của thí sinh	bài văn ☞ xem trang 12
	Xét Duyệt		Về phương cách xét duyệt thí sinh, ☞ xem trang 12	Nhà trường sẽ xét duyệt một cách tổng hợp dựa trên thành tích học bạ và kết quả bài thi

(※) 定時制Ⅰ・・・ Đây là các trường 定時制高校 (vừa học vừa làm) nhưng không phải học ban đêm; gồm các trường:

（県立横浜明朋高校、県立川崎高校、県立厚木清南高校、
県立相模向陽館高校、横浜市立横浜総合高校、川崎市立川崎高校）

定時制Ⅱ・・・Đây cũng là trường 定時制高校, nhưng khác với loại 定時制Ⅰ, trường này mở ban đêm;

４　出願について

（１）出願手続と検査日程

手続や日程	日　　時	場　所
特別募集における志願資格確認期間	１月６日（火）～15日（木）	志願予定先の高校
募集期間（志願者が申請できる期間）	１月23日（金）～29日（木）　インターネット出願システムで出願	
志願変更期間（志願者が申請できる期間）	２月４日（水）～６日（金）　インターネット出願システムで志願変更	
検査日	**学力検査：２月17日（火）** **特色検査・面接・作文：２月17日（火）・18日（水）・19日（木）** **追検査（※）：２月24日（火）**	志願先の高校
合格発表 合格書類の受取	２月27日（金）（発表はインターネット出願システムで行います。）志願先の高校が指定した時間に合格書類を受け取ります。	志願先の高校

（※）インフルエンザ等の感染症に罹患した場合、月経随伴症状等の体調不良等の本人に帰責されない身体・健康上の理由に該当する場合、自然災害や検査会場に向かう途中の事故・事件に巻き込まれた場合および痴漢の被害にあった場合等、やむを得ない事情により検査を受検できなかった人を対象に追検査を実施します。
ただし、通信制の高校では、追検査を実施しません。

★　志願変更について

志願変更期間中に１回だけ、インターネット出願システムで志願する高校を変更できます。

（２）出願の流れ

一般募集

共通選抜（二次募集を除く。）	①　インターネット出願システムで出願 ②　インターネット出願システムで受検料納付 昨年度は全日制 2,200円 定時制　950円（ただし、横浜市立の定時制は650円） 通信制　０円 ③　調査書の提出（中学校から提出）（※） （※）外国において学校教育における９年の課程を修了した人や、18歳以上（2026年４月１日現在）の人は提出不要です。 ④　その他の書類の提出（面接シート等。志願先の高校が指定します。）

4 Về việc nộp đơn đăng ký dự thi

（1） Thủ tục nộp đơn và lịch trinh dự thi các bài kiểm tra

Thủ tục và lịch trình	Ngày Giờ	Địa đểm
Thời gian xác nhận tư cách ứng viên trong tuyển dụng đặc biệt	Ngày 6 tháng 1 (thứ Ba)～Ngày 15 (thứ Năm)	Tại các trường Koko dự định sẽ đăng ký dự thi
Kỳ hạn tuyển sinh(kỳ hạn nộp đơn dành cho người có nguyện vọng dự thi)	Ngày 23 tháng 1 (thứ Sáu)～Ngày 29 (thứ Năm) Nộp đơn đăng ký dự thi tại hệ thống ứng dụng Internet.	
Kỳ hạn thay đổi trường nộp đơn đăng ký (kỳ hạn nộp đơn dành cho người có nguyện vọng dự thi)	Ngày 4 tháng 2 (thứ Tư)～Ngày 6 (thứ Sáu) đổi trường koko đăng ký dự thi tại ưng dụng internet	
Ngày thi	**Thi kiểm tra học lực: Ngày 17 tháng 2 (thứ Ba)** **Thi vấn đáp / Kiểm tra tính đặc sắc / Bài viết luận :** **Ngày 17 (thứ Ba) , 18 (thứ Tư) , ngày 19 (thứ Năm) tháng 2** Kiểm tra bổ sung （※）: Ngày 24 Tháng 2 (thứ Ba)	Tại các trường Koko sẽ dự thi
Công bố kết quả Nhận giấy báo trúng tuyển	Ngày 27 tháng 2 (thứ Sáu) (công bố kết quả dự thi sẽ được thực hiện thông qua hệ thống đăng ký internet.) Bạn sẽ nhận được các tài liệu thi đỗ vào thời gian được chỉ định bởi trường koko mà bạn đăng ký.	Tại các trường Koko sẽ dự thi

(※) Kiểm tra bổ sung sẽ được tiến hành với những người không thể dự thi do các trường hợp không thể tránh khỏi như bị cảm cúm (influenza), tình trạng thể chất hoặc sức khỏe không liên quan đến ý muốn của bạn chẳng hạn như tình trạng thể chất kém do các triệu chứng kinh nguyệt, gặp thảm họa thiên nhiên hoặc tai nạn hoặc sự cố trên đường đến nơi dự thi, hoặc trong trường hợp bạn là một nạn nhân cưa sự quấy rối tình dục, v.v..
Tuy nhiên, các trường koko hình thức học online sẽ không tiến hành việc kiểm tra bổ sung.

★ **Về việc thay đổi nguyện vọng trường thi**
Bạn chỉ có thể thay đổi trường koko mà bạn đăng ký tại hệ thống đăng ký dự thi trên internet một lần trong thời gian thay đổi đăng ký.

（2） Quá trình nộp đơn đăng ký dự thi

Tuyển Sinh Thông Thường

Tuyển sinh thường (không tính tuyển sinh phụ)	① Nộp đơn đăng ký dự thi tại hệ thống ứng dụng Internet. ② Đóng phí dự thi tại hệ thống ứng dụng Internet. Niên khóa năm vừa qua: - 全日制 (Toàn thời) : 2,200 yen - 定時制 (Vừa học vừa làm) : 950 yen (trường của t/x Yokohama: 650 yen) - 通信制 (Hàm thụ) : 0 yen ③ Học bạ (Do trường 中学 nộp) (※) (※) Người đã hoàn tất chương trình giáo dục học đường 9 năm ở hải ngoại, hoặc người trên 18 tuổi (tại thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2026), thì không cần nộp. ④ Nộp những giấy tờ cần thiết khác (Tờ check phỏng vấn v.v,. Trường koko bạn đã nộp đơn dự thi sẽ chỉ định.)

特別募集

在県外国人等 特別募集	①②③④に加えて、 ⑤　外国籍を持っている、または、日本国籍を取得して６年以内であることを証明する書類を志願予定先の高校に提示する。(※) ⑥　入国後通算６年以内であることを証明する書類（パスポート等）を志願予定先の高校に提示する。(※) （※）⑤⑥の手続は、１月６日（火）～15日（木）に行ってください。
海外帰国生徒 特別募集	①②③④に加えて、 ⑦　保護者の勤務等の関係で、継続して２年以上外国に在住して、帰国した日が2023年４月１日以降であることを証明する書類（保護者と本人のパスポートまたは会社の証明書等）を志願予定先の高校に提示する。(※) （※）⑦の手続は、１月６日（火）～15日（木）に行ってください。

☞ **外国において９年の課程を修了した人は、Ｐ．７の「外国において学校教育における９年の課程を修了した人の手続」を見てください。**

○　志願できる高校は１校１課程です。

○　同じ学校に２つ以上の部（午前部、午後部等）がある定時制高校では、他の部に第２希望として志願することができます。また、農業、工業、商業および水産に関する学科の中で、２つ以上の科がある高校では、他の科に第２希望として志願することができます。ただし、第２希望は、第１希望で定員が埋まらなかったときのみ、選考の対象となります。

○　県立横浜国際高校では、国際科（国際バカロレアコースを除く。）および国際科国際バカロレアコースについて、同じ高校の他の一方に第２希望として志願することができます。

Tuyển Sinh Đặc Biệt

Tuyển Sinh Đặc Biệt Dành Cho Học Sinh Ngoại Kiều Trong Tỉnh	Gồm các điều ①、②、③ và ④ ở trên, kèm thêm những giấy tờ sau: ⑤ Xuất trình giấy tờ chứng minh mang quốc tịch nước ngoài, hoặc đã nhập quốc tịch Nhật từ 6 năm trở xuống va nộp cho trường koko mà bạn dự định nộp đơn dự thi. (※) ⑥ Xuất trình một tài liệu (hộ chiếu, v.v.) chứng minh rằng bạn đã ở Nhật Bản ít hơn 6 năm và nộp cho trường koko mà bạn dự định nộp đơn dự thi. (※) (※) Vui lòng hoàn thành các thủ tục mục ⑤ và ⑥ trong khoảng thời gian từ Thứ Ba, ngày 6 tháng 1 đến Thứ Năm, ngày 15 tháng 1.
Tuyển Sinh Đặc Biệt Dành Cho Học Sinh Hồi Hương	Gồm các điều ①、②、③ và ④ ở trên, kèm thêm những giấy tờ sau: ⑦ Nộp những tài liệu xác nhận bạn đã sống ở nước ngoài liên tục hơn 2 năm do công việc của phụ huynh, v.v. và bạn đã trở lại Nhật Bản sau ngày 1 tháng 4 năm 2023 (hộ chiếu của phụ huynh và bản thân bạn hoặc giấy tờ chứng minh của công ty phụ huynh v.v.) đến trường koko mà bạn dự định nộp đơn dự thi. (※) (※) Vui lòng hoàn thành các thủ tục mục ⑦ trong khoảng thời gian từ Thứ Ba, ngày 6 tháng 1 đến Thứ Năm, ngày 15 tháng 1.

☞ Nếu bạn đã hoàn thành khóa học 9 năm ở nước ngoài, vui lòng xem “Thủ tục dành cho người đã hoàn thành khóa học 9 năm học phổ thông ở nước ngoài” ở trang 7.

○ Bạn có thể đăng ký một khóa học cho một trường trung koko.

○ Tại các trường koko học chia thời gian có hai hoặc nhiều khoa(khoa buổi sáng, khoa chiều, v.v.) trong cùng một trường, bạn có thể đăng ký vào các khoa khác để làm lựa chọn thứ hai của mình. Trường koko có từ hai khoa nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, thủy sản, học sinh có thể xét tuyển nguyện vọng 2 vào các khoa khác. Tuy nhiên, lựa chọn thứ hai sẽ chỉ được xem xét khi lựa chọn đầu tiên không đủ học sinh được tuyển.

○ Tại Trường Trung học Quốc tế Tỉnh Yokohama, bạn có thể đăng ký vào Khoa Quốc tế (không bao gồm Khóa học Tú tài Quốc tế) hoặc Khóa học Tú tài Quốc tế của Khoa Quốc tế như là lựa chọn thứ hai của bạn tại cùng một trường koko.

（3）面接シートについて

面接シートは、志願先の高校が提出を求める場合、受検生本人の考えを自分で書いて、志願先の高校に提出します。必ず日本語で記入します。面接の時の参考資料で、書いてある内容について評価は行いません。志願変更の際、志願変更先の高校が面接シートの提出を求める場合には新しく面接シートを作成し、志願変更先の高校に提出します。面接シートはコピーの提出でも構いません。面接シートの代わりに学校が指定する用紙の提出を求める場合もあります。

第 14 号様式

面　接　シ　ー　ト

※受検番号	

志願者氏名	ﾌﾘｶﾞﾅ	中学校名	立　　中学校
志願先	（県・市）立　　高等学校　　科		コース　部

◎　面接の質問内容の参考とするため、次のことについて記入してください。
◎　このシートは面接の際の参考資料で、直接に選考資料にはしません。

1　なぜこの学校に入学したいのですか。

「1　なぜこの学校に入学したいのですか。」には、あなたが志願する高校に入学したいと思っている理由を、できるだけ具体的に記入してください。

2　教科等の学習活動や教科等以外の活動に対して、これまでに意欲的に取り組んだことや高校で意欲的に取り組みたいこと、また、自分自身のよいところなどを書いてください。

「2　教科等の学習活動や教科等以外の活動に対して、これまでに意欲的に取り組んだことや高校で意欲的に取り組みたいこと、また、自分自身のよいところなどを書いてください。」には、学習やスポーツ、文化、ボランティア活動など、これまでに力を入れて取り組んだことや、高校入学後に取り組んでいきたいこと、自分自身のよいところなどを、できるだけ具体的に記入してください。学校内の活動だけでなく学校外での活動や、高校での取組みを生かして高校卒業後に挑戦したいことなどを記入しても構いません。

記入する項目は、一つでも複数でも構いません。

これまでに取り組んできたことや、これから取り組みたいことなどを自由に記入して、自分自身をアピールしてください。

記入上の注意

1 ※の欄は記入しないこと。

2 枠内に自筆で記入すること。鉛筆書きも可。写真等は貼り付けないこと。

【記入上の注意】1　※の欄は記入しないこと。
2　枠内に自筆で記入すること。鉛筆書きも可。写真等は貼り付けないこと。

（3）Bản văn dự thi vấn đáp (面接シート)

Nếu trường koko mà bạn đăng ký yêu cầu bạn nộp tờ phỏng vấn, hãy viết những suy nghĩ của riêng bạn vào tờ phỏng vấn và nộp cho trường koko mà bạn đăng ký. Hãy chắc chắn để viết bằng tiếng Nhật. Nhà trường sẽ không đánh giá nội dung được viết trong tài liệu tham khảo tại thời điểm phỏng vấn. Khi thay đổi trường đăng ký dự thi, nếu trường koko mới yêu cầu bạn nộp tờ phỏng vấn, bạn cần tạo một tờ phỏng vấn mới và nộp cho trường koko mới. Bạn có thể gửi một bản sao của bảng phỏng vấn. Trong một số trường hợp, bạn có thể được yêu cầu nộp một mẫu do trường chỉ định thay vì tờ phỏng vấn.

第 14 号様式

面　接　シ　ー　ト

※受　検 番　号	

志願者 氏　名	ﾌﾘｶﾞﾅ	中学校名	立　　中学校
志願先	（県・市）立　　高等学校　　科		コース 部

◎　面接の質問内容の参考とするため、次のことについて記入してください。
◎　このシートは面接の際の参考資料で、直接に選考資料にはしません。

1　なぜこの学校に入学したいのですか。

Đối với "1 Tại sao bạn muốn vào trường này?" Vui lòng viết ra lý do của bạn muốn vào trường koko mà bạn đã nộp đơn dự thi càng chi tiết càng tốt.

2　教科等の学習活動や教科等以外の活動に対して、これまでに意欲的に取り組んだことや高校で意欲的に取り組みたいこと、また、自分自身のよいところなどを書いてください。

Đối với"2. Về các hoạt động học tập như các môn học và các hoạt động khác ngoài môn học, hãy viết về những gì bạn đã nhiệt tình làm cho đến nay, những gì bạn muốn làm ở trường koko và những gì bạn làm giỏi." , hãy viết càng chi tiết càng tốt những gì bạn đã nỗ lực, chẳng hạn như học tập, thể thao, văn hóa, hoạt động tình nguyện, v.v., bạn muốn làm gì sau khi vào koko và bạn giỏi về lĩnh vực gì. .
Bạn có thể viết không chỉ các hoạt động trong trường mà còn cả các hoạt động bên ngoài trường học, và những gì bạn muốn thử thách sau khi tốt nghiệp trung học bằng cách tận dụng những nỗ lực ở trường koko của mình.
Bạn có thể ghi về một hoặc nhiều hoạt động.
Vui lòng viết ra những gì bạn đã làm cho đến nay và những gì bạn muốn làm trong tương lai, và tự thể hiện chính mình.

Các điều lưu ý khi điền vào bản này:
1. Không điền vào các khung có đánh dấu ※
2. Xin tự điền vào trong khung (nét bút của chính mình). Có thể sử dụng viết chì. Không được dán hình ảnh v..v...

【記入上の注意】1　※の欄は記入しないこと。
2　枠内に自筆で記入すること。鉛筆書きも可。写真等は貼り付けないこと。

５　外国において学校教育における９年の課程を修了した人の手続

志願資格の承認を受ける手続（志願資格承認申請）が必要です。次の県教育委員会の説明会（志願資格の確認・承認申請手続）に参加してください。

県教育委員会主催の説明会（志願資格の確認・承認申請手続）（通訳あり）

11月29日（土）13：20 ～　横浜市西公会堂　地図☞ **P.9**

横浜市西区岡野１－６－41

「横浜駅」から徒歩10分　相鉄線「平沼橋駅」から徒歩７分

（注意）駐車場はありません。公共交通機関をご利用ください。

↑地図が表示されます

※志願資格承認申請の受付を行います。

申請する方は、下の〈必要な書類〉①～③を持ってきてください。

その他の必要な書類もお渡しします。必要な方には入学者選抜の説明も行います。

★　神奈川県の公立中学校に在籍している人は、参加できません。

※最新の情報はME-netのホームページを参考にしてください。（https://hsguide.me-net.or.jp）

○　手続の方法

【保護者とともに県内に住んでいる人（全日制の志願資格がある人）】

11月29日（土）の県教育委員会の説明会（志願資格の確認・承認申請手続）または12月１日（月）～１月15日（木）に県教育委員会（高校教育課）で、志願資格承認申請をしてください。

〈必要な書類〉

① 県内に本人と保護者が住んでいること、または住む予定があることを示す書類
（本人と保護者の住所および続柄がわかる、**住民票等**）

② 外国において学校教育における９年の課程を修了したことを示す書類
（外国の中学校の卒業証明書等を原本で確認します。）

③ 志願資格承認申請書（第15号様式）（県教育委員会のホームページからダウンロードできます。）

共通選抜（二次募集を除く。）は、神奈川県公立高校の志願資格が認められれば、インターネット出願システムから出願できます。特別募集は、P.５の手続も必要です。

共通選抜（二次募集）および定通分割選抜は、「志願資格承認書」を県教育委員会から受け取り、志願先の高校の窓口に、入学願書と一緒に承認書を提出します。

【保護者が県内に住んでいない人（定時制・通信制の志願資格のみの人※）】

志願先の高校の窓口で、定時制・通信制への志願資格承認申請書（第18号様式）を提出してください。上記の〈必要な書類〉①②を高校に提示します。（住所を証明する書類は本人のものだけでよい。）

※　定時制・通信制は、**本人が**県内に住んでいる、または、県外に住んでいても県内に勤務先があれば、志願資格があります。

【問合せ先】

・県教育委員会　高校教育課　入学者選抜・定員グループ　TEL（045）210-8084［直通・日本語対応］

5 Thủ tục dành cho thí sinh đã hoàn tất chương trình giáo dục 9 năm ở hải ngoại

Bạn cần làm thủ tục chấp thuận tư cách nộp đơn đăng ký dự thi (yêu cầu chấp thuận tư cách nộp đơn 志願資格承認申請). Hãy tham gia buổi hướng dẫn (**Thủ tục kiểm tra tư cách và chấp thuận nộp đơn dự thi)** của ban giáo dục tỉnh sau đây.

Buổi hướng dẫn (thủ tục kiểm tra tư cách và chấp thuận nộp đơn dự thi) do ban giáo dục tỉnh tổ chức （Có thông dịch viên）

Ngày giờ: Ngày 29 tháng 11 (thứ Bảy) / từ 13:20 ～ Bảng đồ ☞ Trang 9

Địa điểm: Yokohama Nishi Kokaido (横浜市西公会堂)

Yokohama-shi, Nishi-ku, Okano 1- 6 - 41

Từ ga Yokohama 横浜駅, đi bộ 10 phút

Từ ga Hiranuma-bashi 平沼橋駅 của Sōtetsu, đi bộ 7 phút

↑Bảng đồ sẽ hiện lên

(Lưu ý) Không có bãi đậu xe. Vui lòng sử dụng phương tiện giao thông công cộng.

※Trong buổi hướng dẫn này, sẽ được tiếp nhận việc đăng ký phê duyệt tư cách nộp đơn dự thi. Những ai có dự định đăng ký, xin hãy chuẩn bị những tài liệu cần thiết từ ①đến③ như sau.
Chúng tôi sẽ giao các tài liệu cần thiết khác vào buổi hướng dẫn. Và cũng sẽ có hướng dẫn về quy trình tuyển sinh dành cho người cần thiết.

★ **Nếu bạn hiện đang theo học tại một trường trung học cơ sở công lập (chugakko) trong tỉnh Kanagawa, thì không được tham gia.**

※Hãy vào trang ME-net để tham khảo thông tin mới nhất. (https://hsguide.me-net.or.jp)

○ Cách thức làm thủ tục

【Người cùng với phụ huynh đang sống trong tỉnh này (Có điều kiện dự thi 全日制)】

Các bạn hãy làm đơn「Phê Duyệt Tư Cách Dự Thi」(志願資格承認申請) trong buổi hướng dẫn ngày 29 tháng 11 (thứ bảy) hoặc trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 12 (thứ Hai) ～ 15 tháng 1 (thứ Năm) đến Phòng Kế Hoạch Giáo Dục KoKo / Sở Giáo Dục Tỉnh (県教育委員会 高校教育課) để nộp đơn.

〈Những giấy tờ cần thiết〉

① Giấy tờ chứng minh thí sinh cùng phụ huynh đang sinh sống, hoặc dự định sẽ về sống trong tỉnh KANAGAWA (Giấy chứng minh cư trú (住民票) v..v... ghi rõ địa chỉ của học sinh và phụ huynh cũng như sự liên hệ của nhau)

② Giấy tờ chứng minh thí sinh đã hoàn tất chương trình giáo dục 9 năm ở hải ngoại（Sẽ có kiểm tra bản chính của bằng tốt nghiệp cấp 2 ở nước ngoài.）

③「Đơn Xin Thừa Nhận Tư Cách Dự Thi」(志願資格承認申請) (Mẫu số 15)

（Có thể tải số ③ tại trang web của Ban giáo dục của tỉnh.）

Tuyển sinh thường (không tính tuyển sinh phụ) có thể được áp dụng từ hệ thống ứng dụng Internet nếu tư cách ứng dụng của các trường koko công lập tỉnh Kanagawa được công nhận. Đối với tuyển sinh đặc biệt, quy trình ở trang 5 cũng được yêu cầu.
Tuyển sinh thường (tuyển sinh phụ) và tuyển phân bố cho các trường koko vừa học vừa làm- koko hàm thụ, ứng viên nhận được "Giấy chứng nhận chấp thuận đủ điều kiện dự thi" từ Hội đồng giáo dục tỉnh và nộp tại quầy của trường koko mà họ đăng ký cùng với đơn đăng ký.

【Người có phụ huynh không sống trong tỉnh này (Chỉ được dự thi 定時制 hoặc 通信制※)】

Vui lòng nộp đơn xin phê duyệt trình độ đăng ký dự thi cho các khóa học chia thời gian/kháo học online (Mẫu số 18) tại quầy của trường koko mà bạn đăng ký. Xuất trình <tài liệu cần thiết> ①② ở trên cho trường koko. (Chỉ những tài liệu chứng minh địa chỉ là của bạn.)

※ Khoá học chia thời gian/khoá học online đủ điều kiện đăng ký nếu bạn sống trong tỉnh hoặc nếu bạn sống ngoài tỉnh nhưng có nơi làm việc trong tỉnh.

【Mọi chi tiết xin liên lạc về:】

・Phòng Xét Tuyển-Sĩ Số Nhập Học / Ban Giáo Dục THPT / Ty Giáo Dục Tỉnh

Số điện thoại: **045-210-8084** [Điện thoại trực tiếp / Chỉ sử dụng tiếng Nhật]

６　在県外国人等特別募集と海外帰国生徒特別募集の実施校

【在県外国人等特別募集の実施校】　全日制16校、定時制４校

学校名	課程	学科	所在地	前年度募集定員
県立鶴見総合高校	全日制	単位制総合学科	横浜市鶴見区	２０
県立横浜清陵高校	全日制	単位制普通科	横浜市南区	１３
県立磯子工業高校	全日制	機械科	横浜市磯子区	(新規)
		電気科		(新規)
		建設科		(新規)
		化学科		(新規)
県立新栄高校	全日制	普通科	横浜市都筑区	１０
県立川崎高校	全日制	単位制普通科	川崎市川崎区	１２
県立大師高校	全日制	単位制普通科	川崎市川崎区	１０
県立橋本高校	全日制	普通科	相模原市緑区	１０
県立相模原弥栄高校	全日制	単位制普通科	相模原市中央区	１０
県立高浜高校	全日制	普通科	平塚市	１０
県立藤沢総合高校	全日制	単位制総合学科	藤沢市	１０
県立大和南高校	全日制	普通科	大和市	１０
県立伊勢原高校	全日制	普通科	伊勢原市	１０
県立座間総合高校	全日制	単位制総合学科	座間市	１０
県立愛川高校	全日制	普通科	愛甲郡愛川町	１０
県立横浜明朋高校	定時制	単位制普通科	横浜市港南区	午前部　７
				午後部　７
県立相模向陽館高校	定時制	単位制普通科	座間市	午前部　１０
				午後部　１０
横浜市立みなと総合高校	全日制	単位制総合学科	横浜市中区	６
横浜市立横浜商業高校	全日制	国際学科	横浜市南区	４
横浜市立横浜総合高校	定時制	単位制総合学科	横浜市南区	１０
川崎市立川崎高校	定時制	普通科昼間部	川崎市川崎区	８

※　2026年度の募集定員は、10月下旬に県教育委員会のホームページや新聞等で発表されます。

6 Các trường có quy chế tuyển sinh đặc biệt dành cho thí sinh người ngoại quốc sống trong tỉnh và con em gia đình hồi hương

【Các trường có quy chế tuyển sinh đặc biệt dành cho thí sinh người ngoại quốc sống trong tỉnh】

Trường 全日制 : 16 trường - Trường 定時制: 4 trường

Tên trường	Hệ	Ban - Khoa	Địa phương	Chỉ số tuyển sinh niên khóa trước
県立鶴見総合高校	全日制	Quy chế tín chỉ -Ban Tổng Hợp	横浜市鶴見区	20
県立横浜清陵高校	全日制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	横浜市南区	13
県立磯子工業高校	全日制	Ngành Cơ khí	横浜市磯子区	(Tuyển sinh từ năm nay)
		Ngành Điện		(Tuyển sinh từ năm nay)
		Ngành Xây dựng		(Tuyển sinh từ năm nay)
		Ngành Hóa học		(Tuyển sinh từ năm nay)
県立新栄高校	全日制	Ban Phổ Thông	横浜市都筑区	10
県立川崎高校	全日制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	川崎市川崎区	12
県立大師高校	全日制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	川崎市川崎区	10
県立橋本高校	全日制	Ban Phổ Thông	相模原市緑区	10
県立相模原弥栄高校	全日制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	相模原市中央区	10
県立高浜高校	全日制	Ban Phổ Thông	平塚市	10
県立藤沢総合高校	全日制	Quy chế tín chỉ -Ban Tổng Hợp	藤沢市	10
県立大和南高校	全日制	Ban Phổ Thông	大和市	10
県立伊勢原高校	全日制	Ban Phổ Thông	伊勢原市	10
県立座間総合高校	全日制	Quy chế tín chỉ -Ban Tổng Hợp	座間市	10
県立愛川高校	全日制	Ban Phổ Thông	愛甲郡愛川町	10
県立横浜明朋高校	定時制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	横浜市港南区	Lớp buổi sáng 7
				Lớp buổi chiều 7
県立相模向陽館高校	定時制	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	座間市	Lớp buổi sáng 10
				Lớp buổi chiều 10
横浜市立みなと総合高校	全日制	Quy chế tín chỉ -Ban Tổng Hợp	横浜市中区	6
横浜市立横浜商業高校	全日制	Ban Quốc Tế Học	横浜市南区	4
横浜市立横浜総合高校	定時制	Quy chế tín chỉ -Ban Tổng Hợp	横浜市南区	10
川崎市立川崎高校	定時制	Ban Phổ Thông Ban Ngày	川崎市川崎区	8

※ Sĩ số tuyển sinh niên khóa 2026 sẽ được công bố trên trang web nhà của Ty Giáo Dục Tỉnh Kanagawa hoặc trên báo chí v.v.. vào hạ tuần tháng 10.

【海外帰国生徒特別募集の実施校】　全日制８校

学校名	課程	学科・コース	所在地	前年度募集定員
県立神奈川総合高校	全日制	単位制普通科国際文化コース	横浜市神奈川区	１０
県立横浜国際高校	全日制	単位制国際科	横浜市南区	２０
		単位制国際科 国際バカロレアコース		５
県立新城高校	全日制	普通科	川崎市中原区	１０
県立相模原弥栄高校	全日制	単位制普通科	相模原市中央区	５
県立西湘高校	全日制	普通科	小田原市	１０
県立鶴嶺高校	全日制	普通科	茅ヶ崎市	１５
県立伊志田高校	全日制	普通科	伊勢原市	１０
横浜市立東高校	全日制	単位制普通科	横浜市鶴見区	１０

※　2026年度の募集定員は、10月下旬に県教育委員会のホームページや新聞等で発表されます。

県教育委員会主催の説明会（志願資格の確認・承認申請手続）（通訳あり）

11月29日（土）13：20 ～　横浜市西公会堂

横浜市西区岡野１－６－41

「横浜駅」から徒歩10分

相鉄線「平沼橋駅」から徒歩７分

にし　こうかいどう
NISHI　KOKAIDO

（注意）駐車場はありません。

公共交通機関をご利用ください。

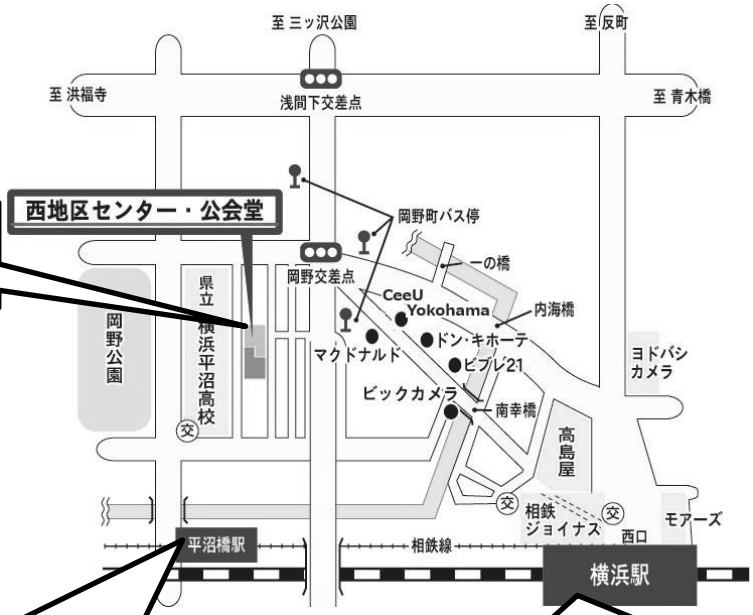

ひらぬまばしえき　Hiranuma-bashi　Stn.

よこはまえき　Yokohama　Stn.

↑地図が表示されます

【Các trường có quy chế tuyển sinh đặc biệt dành cho thí sinh là con em gia đình hồi hương】

Trường 全日制 (ぜんにちせい) : 8 trường

Tên trường	Hệ	Ban - Khóa	Địa phương	Chỉ số tuyển sinh niên khóa trước
県立神奈川総合高校 (けんりつかながわそうごうこうこう)	全日制 (ぜんにちせい)	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông, Khoa Văn Hóa Quốc Tế	横浜市神奈川区 (よこはましかながわく)	10
県立横浜国際高校 (けんりつよこはまこくさいこうこう)	全日制 (ぜんにちせい)	Quy chế tín chỉ - Ban Quốc Tế	横浜市南区 (よこはましみなみく)	20
		Quy chế tín chỉ - phân khoa Quốc Tế Ban Tú Tài Quốc Tế		5
県立新城高校 (けんりつしんじょうこうこう)	全日制 (ぜんにちせい)	Ban Phổ Thông	川崎市中原区 (かわさきしなかはらく)	10
県立相模原弥栄高校 (けんりつさがみはらやえいこうこう)	全日制 (ぜんにちせい)	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	相模原市中央区 (さがみはらしちゅうおうく)	5
県立西湘高校 (けんりつせいしょうこうこう)	全日制 (ぜんにちせい)	Ban Phổ Thông	小田原市 (おだわらし)	10
県立鶴嶺高校 (けんりつつるみねこうこう)	全日制 (ぜんにちせい)	Ban Phổ Thông	茅ヶ崎市 (ちがさきし)	15
県立伊志田高校 (けんりついしだこうこう)	全日制 (ぜんにちせい)	Ban Phổ Thông	伊勢原市 (いせはらし)	10
横浜市立東高校 (よこはましりつひがしこうこう)	全日制 (ぜんにちせい)	Quy chế tín chỉ - Ban Phổ Thông	横浜市鶴見区 (よこはましつるみく)	10

※ Sĩ số tuyển sinh niên khóa 2026 sẽ được công bố trên trang web nhà của Ty Giáo Dục Tỉnh Kanagawa hoặc trên báo chí v.v.. vào hạ tuần tháng 10.

Buổi hướng dẫn (thủ tục kiểm tra tư cách và chấp thuận nộp đơn dự thi)

do ban giáo dục tỉnh tổ chức （Có thông dịch viên）

Ngày giờ: Thứ Bảy - Ngày 29 tháng 11 / từ 13:20 ～

Địa điểm: Yokohama Nishi Kokaido (横浜市西公会堂 (よこはましにしこうかいどう))

Yokohama-shi, Nishi-ku, Okano 1- 6 - 41

Từ ga Yokohama 横浜駅 (よこはまえき), đi bộ 10 phút

Từ ga Hiranuma-bashi 平沼橋駅 (ひらぬまばしえき) của Sōtetsu, đi bộ 7 phút

(Lưu ý) Không có bãi đậu xe.

Vui lòng sử dụng phương tiện giao thông công cộng.

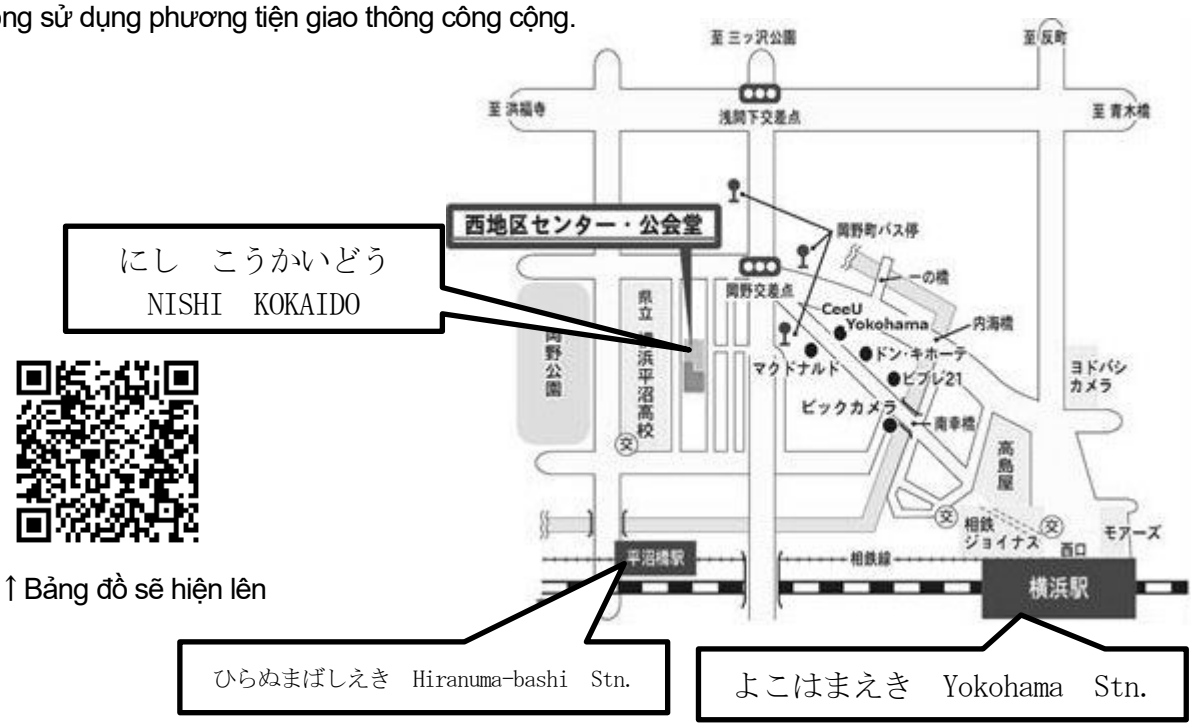

↑Bảng đồ sẽ hiện lên

7　入学者選抜の検査について

（1）一般募集の検査内容

全日制	・学力検査（英語、国語、数学、理科、社会の５教科） ただし、「クリエイティブスクール（※）」では、学力検査を行いません。 ・特色検査（面接、実技検査、自己表現検査）を行う学校もあります。 特色検査を行う学校は、学力検査を３教科にまで減らすことがあります。
定時制	・学力検査（英語、国語、数学の３教科） ・特色検査（面接、実技検査、自己表現検査）を行う学校もあります。
通信制	・作文

（※）「クリエイティブスクール」は、県立釜利谷高校、県立横須賀南高校の普通科、県立小田原城北工業高校と県立大井高校の再編・統合校の普通科、県立大和東高校、県立田奈高校と県立麻生総合高校の再編・統合校の５校です。

（2）特別募集の検査内容

在県外国人等特別募集	全日制16校と定時制４校（☞ P.8） ・学力検査（英語、国語、数学の３教科） 学力検査は、ルビ（漢字にふりがな）付きの日本語で出題されます。 ・面接
海外帰国生徒特別募集	全日制８校（☞ P.9） ・学力検査（英語、国語、数学の３教科） ・作文 ・面接 ・特色検査（県立横浜国際高校国際科国際バカロレアコースのみ）

【注意】

・「募集案内Ⅱ」（※）に各高校の「学力検査」の教科数や「特色検査」の内容が書いてあります。

（※）神奈川県教育委員会ホームページに掲載

https://www.pref.kanagawa.jp/docs/dc4/nyusen/nyusen/bosyuannai.html

・共通選抜、特別募集および私立高校等に合格した人は、定通分割選抜（☞ P.12）への志願はできません。

※ 入学を辞退しても志願できません。

・学力検査は各教科50分です。一般募集で特別な受検方法を希望する場合は手続が必要です。（☞ P.13）

・全日制と定時制の学力検査の問題は異なります。

7　Về kỳ thi tuyển sinh

（1）Nội dung thi trong việc tuyển sinh thông thường

Chương trình toàn thời ぜんにちせい 全日制	・Có thi「Kiểm Tra Học Lực」(5 môn: Anh Văn, Quốc Ngữ, Toán , Lý khoa, Xã hội) Tuy nhiên, “Trường Sáng Tạo (※)” sẽ không tổ chức thi học lực. ・Một số trường tổ chức các bài kiểm tra đặc trưng (phỏng vấn, kiểm tra kỹ năng thực hành, kiểm tra khả năng thể hiện bản thân). Các trường thực hiện các bài kiểm tra đặc trưng có thể giảm bài kiểm tra thành tích xuống còn 3 môn.
Chương trình không toàn thời - vừa học vừa làm ていじせい 定時制	・Có thi「Kiểm Tra Học Lực」(3 môn: Anh Văn, Quốc Ngữ và Toán) ・Có trường thực hiện việc kiểm tra kỹ năng thực hành, khả năng diễn đạt bản thân qua việc khảo hạch gọi là thi「Kiểm tra tính đặc sắc」(特色検査) .
Chương trình hàm thụ つうしんせい 通信制	・Có thi viết văn.

（※）Các “Trường Sáng Tạo” gồm có 5 trường công do tỉnh quản trị như: trường Kamariya Koko, Ban Phổ Thông trường Yokosuka Minami Koko, Ban Phổ Thông của trường mới được thành lập từ sự tái cơ cấu và sáp nhập giữa trường Odawara Johoku Kogyo Koko và trường O-i Koko, trường Yamato Higashi Koko, trường mới được thành lập từ sự sáp nhập giữa trường Tana Koko và trường Asao Sogo Koko.

（2）Nội dung thi trong việc tuyển sinh đặc biệt

Tuyển sinh đặc biệt dành cho ngoại kiều đang sinh sống trong tỉnh.	Có 16 trường ぜんにちせい 全日制 và 4 trường ていじせい 定時制（☞Xem trang 8） ・ Có thi「Kiểm tra học lực」(3 môn : Anh Văn, Quốc Ngữ và Toán) Đề thi「Kiểm tra học lực」sẽ được viết bằng tiếng Nhật, và được phiên âm Hiragana trên chữ Hán. ・ Có thi vấn đáp.
Tuyển sinh đặc biệt dành cho học sinh hồi hương.	Có 8 trường ぜんにちせい 全日制（☞Xem trang 9） ・ Có thi「Kiểm tra học lực」（3 môn : Anh Văn, Quốc Ngữ và Toán） ・Có thi viết văn. ・Có thi vấn đáp. ・Ở phân khoa Quốc Tế Ban Tú Tài Quốc Tế (danh xưng tạm gọi) của trường Yokohama Kokusai Koko của tỉnh Kanagawa, có phần khảo hạch「Kiểm tra tính đặc sắc」(特色検査)

【Lưu ý】

・Tập Hướng Dẫn Tuyển Sinh「募集案内Ⅱ」（※）trong đó có ghi nội dung các môn phải thi trong phần thi「Kiểm tra học lực」hoặc khảo hạch「Kiểm tra tính đặc sắc」của tất cả các trường.
（※）Được đăng trên trang web của Ủy ban Giáo dục tỉnh Kanagawa
https://www.pref.kanagawa.jp/docs/dc4/nyusen/nyusen/bosyuannai.html

・Người đã trúng tuyển qua kỳ Thi Tuyển Chung hoặc trường Koko tư thục, thì không được dự thi cuộc「Thi tuyển phân bổ cho các trường Koko Không Toàn Thời (vừa học vừa làm) hoặc trường Koko Hàm Thụ」(定通分割選抜)(☞Xem trang 12).
※ Kể cả khi tự bỏ trường đã trúng tuyển, thì cũng không được phép dự thi loại này.

・Cuộc thi Kiểm Tra Học Lực sẽ dành ra 50 phút cho mỗi môn thi. Khi tham gia thi tuyển thông thường, trường thí sinh có nguyện vọng được hưởng quy chế đặc biệt để thi, thì cân phải làm thủ tục này. (☞ Xem trang 13).

・Các đề thi trong cuộc thi「Kiểm tra học lực」của các trường Koko Toàn Thời (全日制) và Koko Không Toàn Thời (定時制) sẽ khác nhau.

（３）選考方法（合格者の決め方）

①選考の資料

特色検査がある学校のみ

A　中学校の成績（調査書の評定）	B　学力検査の合計得点	D　特色検査の得点
中学校２年の５段階評定の合計（45点満点） ＋ 中学校３年の５段階評定の合計の２倍 （90点満点）（※１）（※２）	学力検査の合計得点 （各教科100点満点）（※１）	特色検査の得点

（※１）各学校の比率や、特定の教科を重点化をする学校は、「選考基準」等で公表されます。

（※２）第２次選考では、評定ではなく調査書の各教科における第３学年の「主体的に学習に取り組む態度」の評価が選考の資料となります。

A、B（特色検査がある学校は **D** を含む。）の得点それぞれを**100点満点**に換算

A　中学校の成績	B　学力検査の合計得点	D　特色検査の得点
→**a**（100点満点）	→**b**（100点満点）	→**d**（100点満点）

合計数値 **S ＝ a×f ＋ b×g（＋d×i）**

（**f**、**g**、**i** は比率を表します。）

比率（**f**：**g**：**i**）の例

（例１）中学校の成績を重視、特色検査はなし（８：２：０）

（例２）学力検査を重視、特色検査はなし（３：７：０）

（例３）学力検査と特色検査を重視（３：７：４）

比率（**f**）は、中学校の成績の比率

比率（**g**）は、学力検査の比率

比率（**i**）は、特色検査の得点の比率

をそれぞれ表します。

第２次選考では、調査書の各教科における第３学年の「主体的に学習に取り組む態度」の評価を選考資料として用います。「主体的に学習に取り組む態度」の評価の比率は、（**h**）で表します。

②合格者の決め方

検査終了後、各学校で第１次選考、第２次選考の順で合格者を決めます。

第１次選考	合計数値**S** の高い順に募集人員の 90%まで選考します。
第２次選考	調査書の評定 **a** を使わないで、**b**（特色検査がある学校は **d** を含む。）と調査書の各教科における第３学年の「主体的に学習に取り組む態度」の評価について、評価 **A** は３、評価**B** は２、評価**C** は１に換算し、その合計値（**C**）を 100 点満点に換算した **c** を基に、各学校で定めた比率（**g**、**h**、特色検査がある学校は **i**）に基づき合計数値**S** を改めて算出し、募集人員まで選考します。

※　県立横浜国際高校、県立横浜明朋高校、県立相模向陽館高校および「クリエイティブスクール」については、選考方法が異なるので、「選考基準」等で必ず確認してください。

※　通信制では、調査書と実施した検査の結果で、総合的に選考します。

※　全日制、定時制、通信制の課程すべての選抜において、中学校の評定がないなど、資料の一部が整わない受検者にも配慮した選考を行います。

（3）Phương pháp lựa chọn (cách quyết định ứng viên thi đỗ)

① Các tài liệu duyệt xét

Trường có thi「Kiểm tra tính đặc sắc」(特色検査)

A Thành tích học tập ở trung học cơ sở (Đánh giá theo Học Bạ)	B Tổng số điểm đạt được trong cuộc thi kiểm tra học lực	D Điểm đạt được trong cuộc thi Kiểm tra tính đặc sắc
Tổng số điểm đánh giá theo 5 mức thang điểm của năm 2 trung học cơ sở (chugakko) (Điểm tối đa là 45 điểm) ＋ Nhân đôi tổng số điểm đánh giá theo 5 mức thang điểm của năm 3 trung học cơ sở (chugakko) (Điểm tối đa là 90 điểm)（※1）（※2）	Tổng số điểm đạt được trong cuộc thi kiểm tra học lực (Điểm tối đa của từng môn thi là 100 điểm)（※1）	Điểm đạt được trong cuộc thi Kiểm tra tính đặc sắc

（※1） Tỷ lệ của các trường, tên của các trường coi trọng một môn đặc định nào đó được công bố trong tập Tập Hướng Dẫn Tuyển Sinh "Tiêu chuẩn tuyển chọn" v.v..

（※2） Trong lần tuyển chọn thứ hai, việc đánh giá "thái độ học tập độc lập" của học sinh lớp 3 trong từng môn học sẽ được sử dụng làm tài liệu lựa chọn chứ không phải điểm số.

Các điểm A,B（Trường có Kiểm tra tính đặc sắc sẽ bao gồm cả điểm D）được hoán chuyển qua hệ số 100

A Thành tích ở Trung học cơ sở → **a**（điểm tối đa là 100）	B Tổng số điểm đạt được trong cuộc thi kiểm tra học lực →**b**（điểm tối đa là 100）	D Điểm đạt được trong cuộc thi Kiểm tra tính đặc sắc →**d**（điểm tối đa là 100）

Trị số tổng $S = a \times f + b \times g\ (+d \times i)$

（f、g 、i thể hiện tỷ lệ）

Ví dụ về tỷ lệ (f : g : i)
(Ví dụ 1) Chú trọng điểm trung học cơ sở, không có bài kiểm tra đặc biệt (8:2:0)
(Ví dụ 2) Nhấn mạnh vào bài kiểm tra thành tích học tập, không có bài kiểm tra đặc biệt (3:7:0)
(Ví dụ 3) Nhấn mạnh vào bài kiểm tra thành tích học tập và bài kiểm tra đặc điểm (3:7:4)

Tỷ lệ (f) là tỷ lệ điểm trung cấp 2
Tỷ lệ (g) là tỷ lệ của bài kiểm tra thành tích
Tỷ lệ (i) là tỷ lệ điểm kiểm tra đặc sắc
Các tỷ lệ tưng ứng như trên.

Trong lần tuyển chọn thứ hai, việc đánh giá "thái độ học tập chủ động" của học sinh lớp 3 trong từng môn học sẽ được sử dụng làm tài liệu lựa chọn chứ không phải điểm số. Tỷ suất của việc đánh giá "thái độ học tập chủ động" được thể hiện bằng (h).

② Cách quyết định người trúng tuyển

Sau khi kiểm tra, từng trường quyết định thí sinh trúng tuyển theo thứ tự xét tuyển đợt 1 và đợt xét tuyển đợt 2.

Duyệt xét lần thứ nhất	Sẽ duyệt xét để chọn các thí sinh với tổng số điểm S lần lượt từ cao xuống thấp hơn, và tuyển cho đến 90% chỉ tiêu tuyển sinh, dựa theo thứ tự con số tổng kết cao, lần lượt xuống thấp hơn
Duyệt xét lần thứ 2	Không sử dụng điểm a của báo cáo khảo sát, đánh giá b (kể cả d đối với trường có kiểm tra đặc trưng) và điểm học năm thứ ba "thái độ học tập độc lập" trong từng môn học của báo cáo khảo sát, đánh giá A là 3. Đánh giá B là 2, đánh giá C là 1 và tổng giá trị (C) được chuyển đổi thành 100 điểm là c. g, h, i đối với các trường có kỳ thi đặc biệt.), tổng giá trị số S sẽ được tính lại và số lượng tân binh sẽ được chọn.

※ Trường koko quốc tế tỉnh Yokohama, trường koko Yokohama Meiho tỉnh lập, trường trung học Sagami Koyokan tỉnh lập và "Trường sáng tạo" có các phương pháp tuyển chọn khác nhau, vì vậy hãy nhớ kiểm tra "Tiêu chuẩn tuyển chọn", v.v.

※ Ở các trường Koko Hàm Thụ 通信制(つうしんせい), nhà trường sẽ duyệt xét theo một cách tổng hợp qua học bạ, kết quả các cuộc thi kiểm tra.

※ Trong cuộc tuyển sinh ở tất cả các trường Koko 全日制(ぜんにちせい), 定時制(ていじせい) và通信制(つうしんせい), sự duyệt xét sẽ được lưu tâm và cân nhắc đến việc thí sinh thiếu một phần giấy tờ, chẳng hạn không có học bạ ở bậc Trng học cơ sở (Chu gakko) v..v...

８　定通分割選抜について【夜間の定時制と通信制で実施】

※ 共通選抜、特別募集および私立高校等に合格した人は、志願できません。

（1）出願手続と検査日程

手続や日程	日　　時	場　所
募集期間	〈定時制〉３月５日（木）　14:00～19:00 〈定時制〉３月６日（金）　14:00～16:00 〈通信制〉３月５日（木）９:00～12:00、13:00～17:00 〈通信制〉３月６日（金）９:00～12:00、13:00～16:00	志願先の高校
志願変更日	〈定時制〉３月９日（月）９:00～12:00、13:00～16:00 〈通信制〉３月９日（月）９:00～12:00、13:00～16:00	下記★参照
検査日	**学力検査：３月16日（月）** **特色検査（面接等）：３月16日（月）・17日（火）** ※上記の期間のうち、受検票に書いてある日	志願先の高校
合格発表 合格書類の受取	〈定時制〉３月19日（木）　15:00～18:00 〈通信制〉３月19日（木）　10:00～12：00、13：00～15:00	志願先の高校

★　志願変更について

・　１回だけ、志願する高校を変更できます。

・　志願変更は、次の手続が必要です。

①　初めの志願先の高校へ行って手続をし、書類をもらいます。（異なる課程の高校に志願変更する場合は、新しく願書を作る必要があります。高校の窓口で確認してください。）

②　①でもらった書類を新しい志願先の高校へ行って提出します。特色検査（面接）を行う学校へ志願変更する場合、面接シート等も提出します。

（2）検査内容

定時制	・学力検査（英語、国語、数学の３教科。各教科30分。） ・特色検査（面接、実技検査、自己表現検査）を行う学校もあります。
通信制	・作文

（3）選考方法（合格者の決め方）

・定時制では、調査書の評定（２・３年）および実施した検査の結果をもとに定められた数値算出の方法により選考します。

・通信制では、調査書と実施した検査の結果で、総合的に選考します。

8 Thi tuyển phân bố cho các trường Koko vừa học vừa làm - Koko hàm thụ (定通分割選抜)

【thực hiện tại các trường定時制 ban đêm và trường 通信制 Hàm Thụ】

※Người đã trúng tuyển trong Kỳ thi chung hoặc trúng tuyển vào trường tư thì không được dự thi.

（1）Thủ tục nộp đơn đăng ký dự thi và lịch trình ngày thi

Thủ tục và Lịch trình	Ngày Giờ	Địa đểm
Thời gian tuyển sinh	〈定時制〉 Ngày 5 tháng 3 (thứ Năm): 14:00～19:00 〈定時制〉 Ngày 6 tháng 3 (thứ Sáu): 14:00～16:00 〈通信制〉Ngày 5 tháng 3 (thứ Năm): 9:00～12:00,13:00～17:00 〈通信制〉 Ngày 6 tháng 3 (thứ Sáu):9:00～12:00,13:00～16:00	Tại các trường Koko sẽ dự thi
Ngày thay đổi nguyện vọng	〈定時制〉Ngày 9 tháng 3 (thứ Hai):9:00～12:00、13:00～16:00 〈通信制〉Ngày 9 tháng 3 (thứ Hai):9:00～12:00、13:00～16:00	Tham khảo ★ phía dưới
Ngày thi	**Thi kiểm tra học lực: - Ngày 16 tháng 3** (thứ Hai) **Thi vấn đáp / Kiểm tra tính đặc sắc :** **- Ngày 16** (thứ Hai) **và ngày 17 (**thứ Ba**) tháng 3** ※Trong các ngày ở trên, ngày thi là ngày ghi trên phiếu báo danh	Trường Koko dự thi
Công bố kết quả Nhận giấy báo trúng tuyển	〈定時制〉 Ngày 19 tháng 3 (thứ Năm): 15:00～18:00 〈通信制〉 Ngày 19 tháng 3 (thứ Năm): 10:00～12:00,13:00～15:00	Trường Koko dự thi

★Về việc thay đổi nguyện vọng trường thi

・ Việc thay đổi nguyện vọng trường dự thi chỉ được làm 1 lần.
・ Khi thay đổi nguyện vọng, cần làm 2 thủ tục

① Đến trường cấp 3 đầu tiên bạn đăng ký dự thi, làm thủ tục và nhận hồ sơ.（Trường hợp thay đổi nguyện vọng tại trường có chương trình học tập khác trường trước, thì phải làm lại đơn mới. Xin hãy xác nhận điều này tại văn phòng nhận hồ sơ）

② Lấy số giấy tờ đã nhận lại ở phần ①, và đem nộp cho trường Koko có nguyện vọng mới. Nếu bạn thay đổi đơn đăng ký của mình sang một trường tiến hành kiểm tra đặc điểm (phỏng vấn), bạn cũng sẽ cần nộp một tờ phỏng vấn.

（2）Nội dung thi

定時制	・Có thi「Kiểm Tra Học Lực」(Anh Văn, Quốc Ngữ và Toán; mỗi môn 30 phút) ・Có trường thực hiện việc kiểm tra kỹ năng thực hành, khả năng diễn đạt bản thân qua việc khảo hạch gọi là thi「Kiểm tra tính đặc sắc」(特色検査) .
通信制	・Có thi viết văn.

（3）Phương pháp duyệt xét tuyển sinh (Quyết định người trúng tuyển)

・Trong hệ thống khoa học chia thời gian, việc lựa chọn sẽ được thực hiện bằng phương pháp tính toán số được xác định dựa trên đánh giá báo cáo khảo sát (năm thứ 2 và thứ 3) và kết quả kiểm tra được tiến hành.

・Ở các trường Koko hàm thụ 通信制, nhà trường sẽ duyệt xét một cách tổng hợp qua việc xét duyệt Bản Học Bạ và kết quả việc thi kiểm tra học lực.

９　一般募集（「共通選抜」および「定通分割選抜」）での特別な受検方法について

【申請できる人】

・特別な受検方法は、原則として、海外から移住してきて６年以内（2026年２月１日現在）の人が申請できます。申請は、一般募集を行うすべての公立高校でできます。

【申請方法】

・「海外からの移住者等を保護者とする志願者の受検方法等申請書」（**第５号様式**）を志願先の高校に出願の前に提出します。共通選抜も定通分割選抜もそれぞれ申請が必要です。

・申請書は中学校を通じて提出するので、早めに担任の先生に相談してください。

・中学校に在籍していない人は、早めに志願する高校に問い合わせてください。

【申請できる特別な受検方法（例）】

・学力検査問題等にルビ（漢字にふりがな）をつけること。

・学力検査等の時間の延長（最長1.5倍）。

・特色検査（面接）等の時、分かりやすい言葉でゆっくりと話すこと。

・通訳の同席や辞書の持込みはできません。

・在県外国人等特別募集および海外帰国生徒特別募集では、**上記の特別な受検方法の申請はできません。**

・その他、受検で配慮が必要な人は、県教育委員会に相談してください。

【問合せ先】　県教育委員会　高校教育課　入学者選抜・定員グループ

℡（045）210-8084［直通・日本語対応］

9 Về phương pháp xét tuyển đặc cách trong xét tuyển sinh thường ("xét tuyển chung" và "xét tuyển chia")

【Điều kiện để được xin dự thi theo phương cách đặc biệt】

・Theo nguyên tắc chung, những người chuyển đến từ nước ngoài trong vòng 6 năm (tại thời điểm ngày 1 tháng 2 năm 2026) có thể đăng ký phương thức kiểm tra đặc biệt. Các ứng dụng có thể được thực hiện tại bất kỳ trường koko công lập chấp nhận ứng dụng.

【Cách thức làm đơn】

・Nộp đơn「Đơn xin dự thi theo phương cách dành cho thí sinh có phụ huynh là người di trú vào Nhật từ nước ngoài (海外からの移住者等を保護者とする志願者の受検方法等申請書)」(Mẫu số 5). Thí sinh cần phải nộp đơn này cho mỗi lần dự các kỳ thi tuyển như「Kỳ thi chung」hoặc kỳ「Thi tuyển phân bố」(定通分割選抜).

・Đơn đăng ký sẽ được nộp thông qua trường cấp 2, vì vậy hãy liên hệ với giáo viên chủ nhiệm của bạn càng sớm càng tốt.

・Những bạn hiện không theo học ở một trường trung học cấp 1 (中学校) ở Nhật, xin hãy liên lạc để hỏi thăm chi tiết sớm tại trường Koko muốn dự thi.

【Các phương pháp kiểm tra đặc biệt có thể được áp dụng cho (ví dụ)】

・ Đề thi kiểm tra học lực sẽ được phiên âm sang Hiragana cho chữ Hán

・ Thời gian thi kiểm tra học lực các môn sẽ được kéo dài（tối đa là 1.5 lần so với thí sinh khác）

・ Nói chậm và bằng ngôn ngữ dễ hiểu trong quá trình kiểm tra đặc điểm (phỏng vấn).

・Sẽ không có việc thông dịch viên đi kèm và không được đem theo từ điển vào phòng thi.

・Bạn không thể đăng ký các phương pháp dự thi đặc biệt ở trên để tuyển dụng đặc biệt cho người nước ngoài sống ở tỉnh kanagawa và tuyển dụng đặc biệt cho sinh viên trở về từ nước ngoài.

・Ngoài ra, thí sinh có lý do trở ngại về cơ thể và cần trợ giúp để dự thi, xin hãy hội ý và bàn thảo với Ty Giáo Dục của tỉnh.

【Mọi chi tiết xin liên lạc về:】

・Phòng Xét Tuyển-Sĩ Số Nhập Học / Ban Giáo Dục THPT / Ty Giáo Dục Tỉnh

Số điện thoại: **045-210-8084** [Điện thoại trực tiếp / Chỉ sử dụng tiếng Nhật]

10　公立高校の受検料・入学料の減免制度について

○　受検料・入学料の減免制度とは
経済的な理由で受検料・入学料（入学金）の支払が困難な人に対して、受検料・入学料の全部または一部を免除する制度です。

○　申込方法・・・志願先の高校の事務室にご相談ください。免除申請手続の期限は、
受検料：出願手続前まで
入学料：入学手続日の前日まで（合格発表後、数日以内）
（期限を過ぎた場合、免除はできません。）

【問合せ先】
・志願先の高校の事務室または県教育委員会　財務課財務指導グループ
℡　(045)210-8113［直通・日本語対応］

11　学費について

高校で勉強するためには学費（教育費）が必要です。また、入学料も必要です。

全日制の課程

入学料	5,650円
年間授業料	118,800円
高等学校等就学支援金の支給を受けた場合 ☞ P.15	0円

定時制の課程　　（　）は横浜市立の場合

入学料	2,100円（1,200円）
年間授業料	32,400円
高等学校等就学支援金の支給を受けた場合 ☞ P.15	0円

（ここに記載した学費は2025年５月１日現在のものです。金額は改定される場合がありますので、事前に確認してください。）

１年間に必要なおおよその費用は、次のとおりです。

（ただし、高等学校等就学支援金の支給を受けた場合の金額）

（参考）　公立高校（全日制の課程）　約200,000円　（初年度）
公立高校（定時制の課程）　約 40,000円　（初年度）
私立高校（全日制の課程）　各学校に確認してください。

上記のうち、合格した後の入学手続等の時（３月）に、まとまった費用がかかります。全日制普通科の場合、およそ14万円（教科書代、副教材代、制服・体操着・運動靴・タブレット端末等の購入費等）です。専門学科は、さらに実習費がかかる場合があります。また、通学費（交通費）、部活動費、文具費、体育授業での柔道着代や水着代、修学旅行積立金などの費用がかかる場合があります。詳しくは、各学校に問い合せて下さい。私立高校では、かかる費用は学校ごとに異なります。学校説明会等で事前に必ず確認して下さい。

生活保護世帯や非課税世帯向けに、「高校生等奨学給付金」という、返済の必要がない奨学金の制度もあります。募集は各高校で７月から行われます。

そのほか、「神奈川県高等学校奨学金」等、経済的に困難な生徒対象の奨学金制度もあります。奨学金制度は、学費支援を必要とする生徒に奨学金の貸付を行う制度で、無利息ですが、将来返還が必要になります。

10 Quy chế miễn giảm lệ phí dự thi và lệ phí nhập học ở Koko công lập

○ Quy chế miễn giảm lệ phí dự thi, hoặc lệ phí nhập học:
Đây là quy chế miễn toàn phần hoặc một phần của lệ phí dự thi hoặc lệ phí nhập học dành cho học sinh, vì hoàn cảnh kinh tế, đang gặp khó khăn trong việc trả tiền lệ phí dự thi hoặc lệ phí nhập học.

○ Phương pháp làm đơn xin miễn giảm (lệ phí dự thi, lệ phí nhập học) ・・・Hãy đến văn phòng của trường dự thi để nói chuyện. Thời hạn làm thủ tục đơn xin miễn giảm là như sau:
Lệ phí dự thi：Trước khi làm thủ tục hồ sơ đăng ký dự thi
Lệ phí nhập học：Phải nộp trước ngày làm thủ tục nhập học. (Chỉ trong vòng vài ngày sau khi có thông báo đậu)
（Nếu để quá thời hạn làm thủ tục, sẽ không được miễn giảm）

【Mọi chi tiết xin liên lạc về:】
・Văn Phòng của trường Koko dự thi
・Phòng Chỉ Đạo Tài Vụ / Ban Tài Vụ / Ty Giáo Dục Tỉnh

Số điện thoại: **045-210-8113** [Điện thoại trực tiếp / Chỉ sử dụng tiếng Nhật]

11 Học phí

Để đi học Koko, cần đóng học phí. Ngoài ra phải đóng các lệ phí khác như: lệ phí dự thi và lệ phí nhập học.

全日制（ぜんにちせい） Trường Koko công lập

Lệ phí nhập học	5,650 yen
Học phí hàng năm	118,800 yen
Trường hợp được chu cấp từ Quỹ Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đường ☞Xem trang 15	0 yen

定時制（ていじせい） Trường Koko công lập ( ) là lệ phí các trường do thành phố Yokohama thiết lập

Lệ phí nhập học	2,100 yen (1,200 yen)
Học phí hàng năm	32,400 yen
Trường hợp được chu cấp từ Quỹ Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đường ☞Xem trang 15	0 yen

（Giá học phí ghi trên là giá biểu tính đến ngày 1 tháng 5 năm 2025, kim ngạch này cũng có thể bị thay đổi, do đó bạn cũng nên xác nhận trước.）

Dưới đây là khoản ước chừng số tiền cần chi cho 1 năm học.
(Cần hiểu rằng, đây là số tiền dành cho trường hợp học sinh đã được nhận hỗ trợ từ Quỹ nói trên)
（Những con số tham khảo）

Trường Koko công lập（全日制の課程（ぜんにちせいのかてい））　khoảng 200,000 yen (năm đầu)
Trường Koko công lập（定時制の課程（ていじせいのかてい））　khoảng 40,000 yen (năm đầu)
Trường Koko tư thục （全日制の課程（ぜんにちせいのかてい））　Hãy liên hệ đến các nhà trường để kiểm tra

Trong các phí ở trên, một khoản phí gộp sẽ được tính trong quá trình làm thủ tục nhập học (tháng 3) sau khi vượt qua kỳ thi. Trong trường hợp chuẩn bị nhập học vào khoa học bình thường, là sẽ tốn khoảng 140,000 yên (phí sách giáo khoa, phí tài liệu giảng dạy bổ sung, đồng phục, quần áo thể dục, giày thể thao, thiết bị máy tính bảng, v.v.). Trường hợp các trường chuyên môn, thì có thể phải có thêm chi phí thực tập. Thêm vào đó, ngoài những phí ghi trên, có thể cần phải có thêm một số chi phí khác chẳng hạn: chi phí giao thông, phí hoạt động câu lạc bộ, phí học cụ, phí quần áo nhu đạo, quần áo tắm cho môn thể thao thể dục, và tiền đóng góp để dành cho việc đi du lịch học tập v..v... Để biết thêm về chi tiết, vui lòng liên hệ với từng trường. Ở các trường koko tư lập, chi phí khác nhau giữa các trường. Hãy chắc chắn kiểm tra trước tại một buổi hướng dẫn của trường, v.v.

Ngoài ra, còn có những quy chế học bổng khuyến học như <Quỹ Khuyến Học Dành Cho Học Sinh Koko Tỉnh Kanagwa> v..v... dành cho các hộ gia đình đang nhận tiền hỗ trợ từ nhà nước, và hộ gia đình được miễn thuế. Việc tuyển sinh sẽ bắt đầu từ tháng 7 tại các trường koko.

Tiền học bổng là một khoản vay học bổng dành cho sinh viên cần hỗ trợ học phí. Đây là một hệ thống không tính lãi dành cho học sinh cần sự hỗ trợ học phí, nhưng sẽ cần phải trả lại trong tương lai.

12　高等学校等就学支援金について

全ての意志ある高校生が安心して勉学に打ち込める社会をつくるため、授業料に充てる高等学校等就学支援金を生徒に支給し、家庭の教育費負担を国が支援する制度です。

社会全体の負担により、学びが支えられていることを自覚し、将来、社会の担い手として広く活躍されることが期待されています。**（貸与型の奨学金ではありませんので、返済は不要です。）**

公立高校の場合、就学支援金を受け取る資格を得ると、授業料の支払は不要になります。

この制度を利用するには、手続が必要です。入学する高校から説明があり、お知らせが渡されます。

◎翻訳された資料があるので、必要な方は入学する高校に相談してください。

＜支給条件＞

○　保護者等（親権者。父母がいる場合は双方）の収入について、以下の算定式により計算した額が、30万4,200円未満の世帯の方（およその年収が910万円以下）

【算定式】（市町村民税の）課税標準額×６％ －（市町村民税の）調整控除の額

※　令和７年４月時点の支給条件であるため、国の法律改正により変更となる可能性があります。入学する高校から、最新の制度の案内が配付されますのでご確認ください。

＜申請方法＞

入学する高校からオンライン申請用のログインIDおよびパスワードが配布されるため、「高等学校等就学支援金オンライン申請システム」にログインして申請してください。（**入学手続の時などに高校で配付されます。**）※申請には、保護者等のマイナンバー（個人番号）が必要となります。なお、マイナンバーカードを作っていなくても、マイナンバー（個人番号）が記載された住民票の写し、住民票記載事項証明書等によりマイナンバー（個人番号）がわかっていれば申請できます。

書面で申請することも可能です。書面での申請を希望される方は高校の事務室へお問い合わせください。

なお、書面により申請する場合は、下記の書類が必要となります。

保護者等（親権者）全員分のマイナンバーカード等の写し等（マイナンバーカード・個人番号が記載された住民票の写し、個人番号が記載された住民票記載事項証明書等）

＜申請時期＞

原則として、入学時に１回（提出期限については、入学した高校からお知らせします。）

※申請方法により、毎年７月に手続が必要となる場合があります。

【高等学校等就学支援金についての問合せ先】

・入学した高校（担任の先生または事務室）

・県教育委員会　財務課　財務指導グループ　℡　(045)210-8113［直通・日本語対応］

12 Quỹ Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đường - Koko

Nhằm tạo lập một xã hội sao cho tất cả mọi học sinh có ý chí muốn học an tâm vào việc học hành, đây là chế độ chu cấp cho học sinh bù vào tiền học phí lấy từ Quỹ Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đường do chính phủ trợ cấp cho gánh nặng phí giáo dục của các gia đình.

Với kỳ vọng rằng, từ việc gánh vác này của toàn thể xã hội, học sinh sẽ nhận thức việc học hành của mình được nâng đỡ, để trong tương lai học sinh sẽ đóng góp công sức mình cho xãi hội trong nhiều phương diện rộng lớn hơn.**(Đây không phải là loại Quỹ Khuyến Học hình thức vay mượn, cho nên không cần phải hoàn trả.)**

Trường hợp là trường công, khi nhận được sự chấp thuận từ quỹ này, thì học sinh không phải đóng học phí.

Muốn sử dụng quy chế hỗ trợ này, học sinh cần phải làm đơn xin hỗ trợ. Nhà trường nơi học sinh vào học sẽ giải thích cặn kẽ, và sẽ trao tất cả giấy tờ cần thiết.

◎ Các trường đều có sẵn tài liệu dịch thuật, nếu thấy cần, xin hãy hỏi ngay tại trường Koko mình muốn vào học.

＜Điều kiện chu cấp＞

○ Về thu nhập của người bảo hộ (người giữ quyền làm cha hay mẹ; nếu có cha mẹ thì cộng cả hai người), là người thuộc gia đình có tổng số ngạch chưa tới 304,200 yên, qua phương thức tính dưới đây (nghĩa là khoản thu nhập hằng năm đại khái là từ 9,100,000 yên trở xuống),

【Phương thức tính】

=> Ngạch tiêu chuẩn thuế khóa (thuế cư dân) X 6% ― Kim ngạch khấu trừ điều chỉnh (thuế cư dân)

※ Vì điều kiện trợ cấp tính theo thời điểm tháng 4 năm 2025 (Reiwa năm 7) nên có thể thay đổi do sửa đổi luật pháp của nhà nước. Hãy xác nhận thông tin mới nhất từ trường trung học mà bạn nhập học.

＜Cách thức làm đơn＞

ID và mật khẩu đăng nhập cho ứng dụng trực tuyến sẽ được phân phối bởi trường koko mà bạn đăng ký dự thi, vì vậy vui lòng đăng nhập vào "Hệ thống ứng dụng trực tuyến hỗ trợ học phí koko v.v," và đăng ký. (Phát tại trường koko khi làm thủ tục nhập học.)

※ Số my number của phụ huynh là bắt buộc phải có. Ngoài ra, ngay cả khi bạn chưa làm thẻ My Number (mã số cá nhân), bạn vẫn có thể nộp đơn nếu có thể xác nhận được My Number (mã số cá nhân) thông qua bản sao giấy chứng nhận cư trú hoặc giấy xác nhận thông tin ghi trên giấy cư trú v.v,.

Cũng có thể áp dụng bằng bản giấy. Nếu bạn muốn nộp đơn bằng bản giấy, vui lòng liên hệ với văn phòng trường koko. Khi nộp đơn bằng bản giấy, các tài liệu sau đây được yêu cầu.

Bản sao chụp copy Thẻ Chỉ Số Cá Nhân - My Number card v..v... của tất cả người bảo hộ (người giữ quyền làm cha mẹ) (những loại giấy tờ như: Thẻ chỉ Số Cá Nhân, bản sao phiếu cư trú có ghi Chỉ Số Cá Nhân, hoặc giấy chứng minh cư trú chi tiết có ghi Chỉ Số Cá Nhân v..v...).

＜Thời hạn làm đơn＞

Trên nguyên tắc, chỉ 1 lần khi nhập học (Về thời hạn nộp, nhà trường nơi vào học sẽ thông báo)

※ Tùy thuộc vào phương thức nộp đơn, các thủ tục có thể được yêu cầu vào tháng 7 hàng năm.

【Muốn rõ thêm chi tiết về Quỹ Hỗ Trợ Tài Chánh Học Đường, xin liên lạc về:】

・Trường Koko dự thi (Thày cô chủ nhiệm hoặc văn phòng)

・Phòng Chỉ Đạo Tài Vụ / Ban Tài Vụ / Ty Giáo Dục Tỉnh

Số điện thoại: **045-210-8113** [Điện thoại trực tiếp / Chỉ sử dụng tiếng Nhật]

13　私立高等学校等の学費支援制度等について

神奈川県では、私立高等学校等（※１）に在学する生徒の保護者等の経済的負担を軽減するため、入学金・授業料の返還不要の補助を行っています。詳しくは各私立高等学校等に問い合わせてください。

（例）年収約750万円未満の世帯や生活保護世帯については、授業料の補助額468,000円
年収約800万円未満の世帯については、授業料の補助額193,200円
年収約800万円以上の世帯については、授業料の補助額118,800円
年収約910万円未満の多子世帯（※２）については、授業料の補助額468,000円

・上の例は、神奈川県内在住で県内の私立高等学校等に在学する方の授業料の補助額です。
・年収はあくまで目安です。
・補助額は、保護者等（親権者。父母がいる場合は双方。）の「住民税に基づく基準額」で判定します。
詳しくは、「募集案内」をご覧ください。

（※１）　対象校はホームページをご覧ください。

https://www.pref.kanagawa.jp/docs/v3e/jyosei/gakuhisien/index.html

（※２）　多子世帯…23歳未満の扶養している子どもが３人以上いる世帯

【私立高等学校等の学費支援制度等についての問合せ先】
・県福祉子どもみらい局　私学振興課　助成グループ　℡　(045)210-3793［直通・日本語対応］

13 Quy chế trợ cấp học phí v.v.. dành cho học sinh trường Koko tư thục v.v..

Để giảm thiểu kinh phí mà phụ huynh phải gánh chịu cho con em là học sinh theo học tại các trường Koko tư thục v.v.. （※1）, tỉnh Kanagawa có chính sách quy chế hỗ trợ tiền nhập học và học phí mà không cần hoàn trả. Muốn rõ thêm chi tiết, xin hỏi tại các trường Koko tư thục v.v.. mà bạn theo học.

(Ví dụ)
- Với hộ gia đình có thu nhập hằng năm khoảng dưới 7,500,000 yen, hoặc gia đình đang nhận trợ cấp xã hội, thì số tiền hỗ trợ học phí sẽ là 468,000 yen.
- Với hộ gia đình có thu nhập hằng năm khoảng dưới 8,000,000 yen, thì số tiền hỗ trợ học phí sẽ là 193,200 yen.
- Với hộ gia đình có thu nhập hằng năm từ 8,000,000 yen trở lên, thì số tiền hỗ trợ học phí sẽ là 118,800 yen.
- Với hộ gia đình nhiều con có thu nhập hằng năm khoảng dưới 9,100,000 yen（※2）, thì số tiền hỗ trợ học phí sẽ là 468,000 yen.

・Các ví dụ trên là ngạch hỗ trợ tiền học phí dành cho các em học sinh đang cư trú trong tỉnh Kanagawa theo học tại một trường Koko tư thục v.v.. ở trong tỉnh.
・Số thu nhập hằng năm chỉ là số tiêu chuẩn đại khái
・Ngạch hỗ trợ này sẽ được duyệt xét bằng「Ngạch Tiêu Chuẩn dựa theo thu nhập」của người bảo hộ (nghĩa là người có tư cách cha mẹ trên pháp luật. Nếu cả cha lẫn mẹ có thu nhập, thì cộng cả hai). Muốn rõ chi tiết, xin xem <Văn Bản Hướng Dẫn Chiêu Sinh>

（※1）Vui lòng xem trang chủ cho các trường đối tượng.
https://www.pref.kanagawa.jp/docs/v3e/jyosei/gakuhisien/index.html
（※2）Hộ gia đình nhiều con…Hộ gia đình có từ 3 con trở lên dưới 23 tuổi phụ thuộc kinh tế.

【Liên lạc hướng dẫn về Quy Chế trợ cấp học phí v.v.. dành cho học sinh Koko tư thục v.v..】

・Phòng Ken-Kodomo Mirai Phúc lợi của tỉnh / Nhóm Hỗ Trợ Chấn Hưng Học Sinh Tư Thục
Điện thoại (045)210-3793 ［Trực tiếp / Bằng tiếng Nhật］

日本語を母語としない人たちのための高校進学ガイダンス 2025

【ガイダンスへの参加について】

〇ガイダンスに参加できるのは中学３年生または中学校を卒業した人とその保護者です。
〇参加は無料です。
〇予約が必要です。参加希望日の２週間前までに予約してください。
〇通訳が必要な人は、予約をするときに申し込んでください。

高校進学ガイダンス申し込み https://hsguide.me-net.or.jp/reservations
来場時間は予約受付後、ガイダンスの１週間前までにメールでお知らせします。

【ガイダンス日程と会場】

① ９月15日（月曜・休日）川崎市国際交流センター
参加予定高校： 県立川崎（全・定）、大師、鶴見総合、市立川崎（定）

② ９月23日（火曜・休日）横浜市西公会堂
参加予定高校： 横浜清陵、鶴見総合、横浜明朋、新栄、磯子工業、神奈川工業（定）、市立横浜商業、市立横浜総合、市立みなと総合、市立川崎（定）

③ 10月５日（日曜）大和市立渋谷中学校
参加予定高校： 大和南、藤沢総合、座間総合、相模向陽館、湘南（定）

④ 10月13日（月曜・休日）厚木シティプラザ６Ｆ　サイエンスホール 250
参加予定高校： 愛川、座間総合、伊勢原、相模向陽館、厚木清南（定）

⑤ 10月19日（日曜）平塚市立江陽中学校
参加予定高校： 高浜（全・定）、伊勢原、平塚湘風

⑥ 10月26日（日曜）さがみはら国際交流ラウンジ
参加予定高校： 橋本、相模原弥栄、相模向陽館、神奈川総合産業（定）

・公立高校の入試情報、ガイダンスに参加する高校の情報や会場案内など、詳しくは、
「ガイダンス特設ページ」をご覧ください https://hsguide.me-net.or.jp

【ガイダンスに関する問合せ先】

ME-net事務局（045）896－0015（月・水・金 10:00～17:00）

【主催】 神奈川県教育委員会、認定NPO法人多文化共生教育ネットワークかながわ(ME-net)
【会場①】神奈川県教育委員会、多文化活動連絡協議会、(公財)川崎市国際交流協会、認定NPO法人多文化共生教育ネットワークかながわ(ME-net)
【会場⑤】神奈川県教育委員会、相模原市、認定NPO法人多文化共生教育ネットワークかながわ(ME-net)